

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2018



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 92

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã HAG theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có mười (10) công ty con trực tiếp, hai mươi chín (29) công ty con gián tiếp và hai (2) công ty liên kết.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con là trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu và các loại cây ăn quả; phát triển căn hộ, trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng để bán và cho thuê; xây dựng và kinh doanh thủy điện; cơ khí; sản xuất và kinh doanh thức ăn gia súc, phân bón; chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa; kinh doanh kho bãi, sơ chế nông phẩm và dịch vụ nông nghiệp; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên
Ông Đoàn Nguyên Thu	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên
Ông Phan Thanh Thủ	Thành viên
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	
Bà Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng Ban	bổ nhiệm ngày 18 tháng 7 năm 2018 từ nhiệm ngày 18 tháng 7 năm 2018
Bà Trương Thị Kim Ánh	Trưởng Ban	
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên	
Ông Nguyễn Tấn Anh	Thành viên	

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Nguyên Thu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo là Ông Võ Trường Sơn.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, vào bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2018

Số tham chiếu: 60752790/20263463/LR-HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") và các công ty con ("Tập đoàn"), được lập vào ngày 29 tháng 8 năm 2018 và được trình bày từ trang 6 đến trang 92 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Như được trình bày tại Thuyết minh số 35.3 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo, tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Tập đoàn đã ghi nhận khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác từ Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú và các bên liên quan của công ty này với tổng giá trị là 11.258.842.105 ngàn VND. Dựa trên các thông tin hiện có, chúng tôi đã không thể thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp để xác định khả năng thu hồi của tổng số dư 5.601.382.938 ngàn VND bao gồm trong tổng số dư trên. Theo đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục nói trên hay không và các ảnh hưởng nếu có đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoài ảnh hưởng có thể có của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã được lập với giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, nợ ngắn hạn của Tập đoàn vượt quá tài sản ngắn hạn là 5.428.902.349 ngàn VND. Ngoài ra, tại ngày này, Tập đoàn đã vi phạm một số điều khoản của các khoản vay và trái phiếu như được trình bày tại các Thuyết minh số 25.2, 25.3 và 25.4 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		7.635.142.588	8.815.052.625
110	I. Tiền	5	223.552.064	141.473.491
111	1. Tiền		223.534.938	141.473.491
112	2. Các khoản tương đương tiền		17.126	-
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.975.238.401	7.481.808.506
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	3.428.551.851	2.166.131.406
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	188.251.514	611.144.225
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	1.466.590.618	3.969.777.546
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	925.435.946	756.477.238
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(33.591.528)	(21.721.909)
140	III. Hàng tồn kho	10	1.371.670.163	1.118.852.515
141	1. Hàng tồn kho		1.402.536.382	1.126.498.195
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(30.866.219)	(7.645.680)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		64.681.960	72.918.113
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		14.781.025	31.853.662
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		42.637.678	35.050.293
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	21	7.263.257	6.014.158
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		47.436.618.226	44.247.075.031
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		9.660.521.247	8.887.895.570
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn		-	477.204
215	2. Phải thu về cho vay dài hạn	8	9.144.591.237	7.951.978.808
216	3. Phải thu dài hạn khác	9	515.930.010	935.439.558
220	II. Tài sản cố định		12.823.128.404	9.921.066.056
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	11.492.098.936	8.590.084.812
222	Nguyên giá		13.236.606.048	10.017.277.001
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.744.507.112)	(1.427.192.189)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	1.331.029.468	1.330.981.244
228	Nguyên giá		1.436.436.733	1.422.035.740
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(105.407.265)	(91.054.496)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	3.201.065.933	3.210.064.249
231	1. Nguyên giá		3.436.520.740	3.398.052.191
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(235.454.807)	(187.987.942)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		16.559.057.854	17.750.120.892
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	16.559.057.854	17.750.120.892
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		285.656.221	857.860.420
252	1. Đầu tư vào các công ty liên kết	16	275.128.318	847.332.517
253	2. Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		10.507.903	10.507.903
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		20.000	20.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.907.188.567	3.620.067.844
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	1.380.937.086	976.304.493
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	34.3	101.005.376	105.125.055
269	3. Lợi thế thương mại	18	3.425.246.105	2.538.638.296
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		55.071.760.814	53.062.127.656

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		36.654.660.273	35.274.154.978
310	I. Nợ ngắn hạn		13.064.044.937	12.246.677.269
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	19	883.406.468	970.327.536
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	20	3.420.108.052	3.164.145.656
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	248.223.856	198.214.334
314	4. Phải trả người lao động		96.006.919	83.448.891
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	22	1.783.850.445	1.628.490.451
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	24	139.099.882	314.124.586
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	23	3.563.515.834	3.358.503.373
320	8. Vay ngắn hạn	25	2.929.286.893	2.528.863.856
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		546.588	558.586
330	II. Nợ dài hạn		23.590.615.336	23.027.477.709
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	22	1.781.203.520	1.319.177.615
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	24	247.126.966	131.669.002
337	2. Phải trả dài hạn khác	23	959.966.104	937.538.732
338	3. Vay dài hạn	25	20.231.988.930	20.296.209.849
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	34.3	364.332.742	336.941.517
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		5.997.074	5.940.994
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		18.417.100.541	17.787.972.678
410	I. Vốn chủ sở hữu		18.417.100.541	17.787.972.678
411	1. Vốn cổ phần	26.1	9.274.679.470	9.274.679.470
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		9.274.679.470	9.274.679.470
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	26.1	3.263.858.784	3.263.858.784
415	3. Cổ phiếu quỹ	26.1	(686.640)	(686.640)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	26.1	448.217.953	453.812.960
418	5. Quỹ đầu tư phát triển	26.1	280.644.762	279.895.303
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	26.1	386.747.402	702.809.115
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		421.294.080	633.221.103
421b	- (Lỗ) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong kỳ		(34.546.678)	69.588.012
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	27	4.763.638.810	3.813.603.686
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		55.071.760.814	53.062.127.656



Nguyễn Văn Tiên
Người lập



Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng




Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

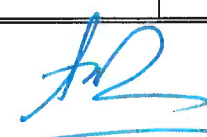
Ngày 29 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (Trình bày lại - TM số 39)
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.1	2.914.765.406	2.476.540.173
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	30	(1.486.472.856)	(1.649.081.372)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.428.292.550	827.458.801
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	29.2	436.194.325	1.171.019.054
22	5. Chi phí tài chính	31	(923.693.771)	(779.422.041)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(805.299.789)	(738.966.691)
24	6. Phần (lỗ) lãi trong công ty liên kết		(12.539.270)	624.118
25	7. Chi phí bán hàng	32	(94.383.040)	(63.050.181)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	32	(490.481.261)	(316.424.538)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		343.389.533	840.205.213
31	10. Thu nhập khác	33	6.666.975	88.520.467
32	11. Chi phí khác	33	(222.718.146)	(70.388.228)
40	12. (Lỗ) lợi nhuận khác	33	(216.051.171)	18.132.239
50	13. Lợi nhuận kế toán trước thuế		127.338.362	858.337.452
51	14. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hiện hành	34.1	4.118.355	(40.022.693)
52	15. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	34.3	(31.231.728)	37.778.125
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		100.224.989	856.092.884
61	17. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		(34.546.678)	567.212.146
62	18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		134.771.667	288.880.738
70	19. (Lỗ) lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	28	(37)	702
71	20. (Lỗ) lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)	28		702


Nguyễn Văn Tiên
Người lập


Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng


Võ Trương Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018


Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (Trình bày lại - TM số 39)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		127.338.362	858.337.452
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình, bất động sản đầu tư và hao mòn TSCĐ vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)		571.056.191	490.074.514
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		35.146.238	(77.573.083)
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(50.607.299)	15.594.314
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(431.706.472)	(1.404.332.486)
06	Chi phí lãi vay	31	805.299.789	738.966.691
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.056.526.809	621.067.402
09	Tăng các khoản phải thu		(216.450.052)	(445.005.343)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(348.318.787)	355.691.989
11	Tăng các khoản phải trả		296.520.145	224.987.859
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		15.209.393	(219.518.688)
14	Tiền lãi vay đã trả		(432.391.370)	(293.740.447)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	34.1	(3.932.154)	(1.673.552)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(316.301)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		367.163.984	241.492.919
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác		(903.740.949)	(1.606.630.585)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác		425.577.857	446.684.986
23	Tiền chi cho các đơn vị khác vay		(359.580.477)	(1.176.371.850)
24	Tiền thu hồi cho vay		92.091.939	435.495.025
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền do đơn vị bị thanh lý nắm giữ)		1.975.161	1.387.118.217
27	Tiền thu lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.079.612	32.965.367
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(741.596.857)	(480.738.840)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Ngàn VND

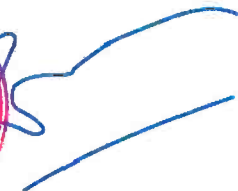
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (Trình bày lại - TM số 39)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	27	-	2.450.000
33	Tiền thu từ đi vay		1.492.460.409	2.270.782.347
34	Tiền trả nợ gốc vay		(1.030.353.956)	(974.878.671)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		462.106.453	1.298.353.676
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		87.673.580	1.059.107.755
60	Tiền đầu kỳ		141.473.491	794.326.175
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(5.595.007)	(234.292.590)
70	Tiền cuối kỳ	5	223.552.064	1.619.141.340



Nguyễn Văn Tiên
 Người lập



Lê Trương Ý Trâm
 Kế toán trưởng

Võ Trường Sơn
 Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và theo GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCK HCM”) với mã HAG theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có mười (10) công ty con trực tiếp, hai mươi chín (29) công ty con gián tiếp và hai (2) công ty liên kết với chi tiết như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)
Lĩnh vực bất động sản			
(1) Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh (“HAN”)	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	68,90
(2) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Myanmar (“HAGL Myanmar”)	Yangon, Myanmar	Đang hoạt động	68,90
(3) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai - Bangkok (i)	Bangkok, Thái Lan	Đang hoạt động	32,38
Lĩnh vực thủy điện			
(4) Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai (“DHA”)	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,40
(5) Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu (“NK2”)	Viêng Chăn, Lào	Chờ thanh lý	99,40
(6) Công ty TNHH Điện Nậm Kông 3 (“NK3”)	Attapeu, Lào	Chờ thanh lý	99,40
(7) Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Sài Gòn	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	99,00
Lĩnh vực nông nghiệp			
(8) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“HNG”) (ii)	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	62,49
(9) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	62,49
(10) Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	61,09
(11) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	61,09
(12) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Đắk Lắk, Việt Nam	Đang hoạt động	62,20

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
Lĩnh vực nông nghiệp (tiếp theo)			
(13) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu ("HAA")	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	62,49
(14) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh An Đông Meas	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	61,09
(15) Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	62,49
(16) Công ty TNHH Heng Brothers	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	62,49
(17) Công ty TNHH CRD	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	62,49
(18) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	62,49
(19) Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	61,87
(20) Công ty Cổ phần An Đông Mía (i)	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	62,49
(21) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat (i)	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	62,49
(22) Công ty Cổ phần Đông Pênh	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	62,43
(23) Công ty TNHH Một Thành viên Nông nghiệp Daun Penh	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	62,43
(24) Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	62,49
(25) Công ty TNHH Đầu tư Cao su Đông Âu	TP.HCM, Việt Nam	Đang hoạt động	62,49
(26) Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia)	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	62,49
(27) Công ty TNHH Bình Phước Kratie 2	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	62,49
(28) Công ty TNHH Sovann Vuthy	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	62,49
(29) Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	62,44
(30) Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	98,00
(31) Công ty TNHH Phát triển MTV Nông nghiệp Đại Thắng	Champasak, Lào	Đang hoạt động	98,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
Lĩnh vực khai khoáng			
(32) Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Ngưng hoạt động	99,40
(33) Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai - Kon Tum	Kontum, Việt Nam	Ngưng hoạt động	99,40
(34) Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Xêkông	Attapeu, Lào	Ngưng hoạt động	99,40
Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh và dịch vụ			
(35) Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	69,85
(36) Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,00
(37) Công ty TNHH V&H Corporation	Viêng Chăn, Lào	Trước hoạt động	100,00
(38) Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Viêng Chăn, Lào	Trước hoạt động	80,00
(39) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Viêng Chăn, Lào	Trước hoạt động	100,00

- (i) Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và kiểm soát công ty này.
- (ii) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là HNG và chính thức được giao dịch từ ngày 20 tháng 7 năm 2015.

Tình trạng trước hoạt động là các công ty con đang trong giai đoạn đầu tư và chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") là trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu và các loại cây ăn quả; phát triển căn hộ, trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng để bán và cho thuê; xây dựng và kinh doanh thủy điện; cơ khí; sản xuất và kinh doanh thức ăn gia súc, phân bón; chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa; kinh doanh kho bãi, sơ chế nông phẩm và dịch vụ nông nghiệp; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên ký kết hợp đồng lao động dài hạn của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 11.985 (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 5.247).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Giả định hoạt động liên tục*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Tập đoàn sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Tập đoàn trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, nợ ngắn hạn của Tập đoàn vượt quá tài sản ngắn hạn là 5.428.902.349 ngàn VND. Ngoài ra, tại ngày này, Tập đoàn đã vi phạm một số điều khoản của các khoản vay và trái phiếu như được trình bày tại các Thuyết minh số 25.2, 25.3 và 25.4 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tập đoàn đang trong quá trình tiếp tục triển khai các dự án để đảm bảo dòng tiền cho hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và tái cơ cấu một số khoản nợ. Thêm vào đó, vào ngày 3 tháng 8 năm 2018, Tập đoàn cũng đã ký kết một thỏa thuận hợp tác đầu tư và hợp tác toàn diện giữa các cổ đông với đối tác là Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Thaco"), qua đó, Thaco cam kết sẽ hỗ trợ Tập đoàn và Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG"), công ty con của Tập đoàn trong việc tái cơ cấu hoạt động và các khoản tài chính nhằm phù hợp dòng tiền trả nợ trước hạn. Theo đó, Ban Giám đốc Tập đoàn vẫn tiến hành lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam ("VND").

2.6 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Trong trường hợp Tập đoàn không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Tập đoàn vẫn còn nắm quyền kiểm soát. Trong trường hợp Tập đoàn không còn nắm quyền kiểm soát công ty con nhưng công ty con đang trong quá trình chuyển nhượng vẫn chưa hoàn tất tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Tập đoàn vẫn hợp nhất báo cáo tài chính vào ngày mất quyền kiểm soát và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của công ty con này vào báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo phương pháp cộng giá trị sổ sách (*Thuyết minh số 3.12*). Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Tập đoàn theo phương pháp giá mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến khả năng thu hồi bị suy giảm tại ngày kết thúc kỳ kế toán, được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228"). Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|-------------------------------------------------------|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ và hàng hóa | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường. |

Phụ phẩm – phế phẩm

Tập đoàn đang theo dõi các mặt hàng phụ phẩm, phế phẩm từ hoạt động sản xuất nông nghiệp về mặt số lượng, với giá trị ghi sổ bằng không tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Tập đoàn, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 50 năm
Máy móc thiết bị	3 - 25 năm
Phương tiện vận chuyển	2 - 30 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 10 năm
Vật nuôi	6 - 8 năm
Quyền sử dụng đất	20 - 50 năm
Phần mềm máy tính	5 - 8 năm
Tài sản khác	3 - 20 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích khấu hao.

Vườn cây cao su và tiêu

Ban Giám đốc ước tính thời gian kiến thiết cơ bản ban đầu của vườn cây cao su và tiêu lần lượt là 7 năm và 3 năm tính từ thời điểm bắt đầu trồng. Theo đó, Tập đoàn bắt đầu chuyển vườn cây cao su và tiêu đang phát triển dở dang thành tài sản cố định và bắt đầu trích khấu hao sau khi kết thúc thời gian kiến thiết cơ bản này.

Vườn cây thanh long

Ban Giám đốc ước tính thời gian kiến thiết cơ bản ban đầu của vườn cây thanh long là 8 đến 9 tháng tính từ thời điểm bắt đầu trồng. Theo đó, Tập đoàn bắt đầu chuyển vườn cây thanh long đang phát triển dở dang thành tài sản cố định và bắt đầu trích khấu hao sau khi kết thúc thời gian kiến thiết cơ bản này.

Vườn cọ dầu

Căn cứ theo Báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá vườn cây cọ dầu của Tập đoàn được thực hiện bởi Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Trung Bộ và Tây Nguyên vào tháng 8/2017, Ban Giám đốc Công ty ước tính thời gian kiến thiết cơ bản ban đầu của vườn cây cọ dầu là 6 năm, phù hợp với đặc điểm sinh trưởng, phát triển của các vườn cây cọ dầu của Tập đoàn tại Campuchia và Lào. Theo đó, Tập đoàn bắt đầu chuyển vườn cây cọ dầu đang phát triển dở dang thành tài sản cố định và bắt đầu trích khấu hao sau khi kết thúc thời gian kiến thiết cơ bản này.

Khấu hao các vườn cây

Khấu hao đối với vườn cây cao su được thực hiện dựa trên Công văn số 1937/BTC-TCDN ngày 9 tháng 2 năm 2010 của Cục Tài chính Doanh nghiệp - Bộ Tài chính hướng dẫn trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao (tiếp theo)

Khấu hao các vườn cây (tiếp theo)

Khấu hao đối với vườn cây thanh long, tiêu và xoài được thực hiện dựa trên Quyết định số 115/17/QĐ-HAGL Agrico ngày 8 tháng 8 năm 2017 và Quyết định số 0101/18/QĐ-HAGL Agrico ngày 2 tháng 1 năm 2018 của Ban Giám đốc hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây thanh long, tiêu và xoài theo chu kỳ khai thác.

Chi tiết như sau:

Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao (%)			
	Vườn cây cao su	Vườn cây thanh long	Vườn tiêu	Vườn xoài
Năm thứ 1	2,50	1,00	4,60	0,30
Năm thứ 2	2,80	3,40	8,50	1,00
Năm thứ 3	3,50	5,00	8,50	2,20
Năm thứ 4	4,40	6,70	8,50	4,30
Năm thứ 5	4,80	8,40	8,50	5,80
Năm thứ 6	5,40	8,40	8,50	5,80
Năm thứ 7	5,40	8,40	6,20	5,80
Năm thứ 8	5,10	8,40	6,20	5,80
Năm thứ 9	5,10	8,40	6,20	5,80
Năm thứ 10	5,00	8,40	3,80	5,80
Năm thứ 11	7,00	6,70	3,80	5,80
Năm thứ 12	6,60	6,70	3,80	5,80
Năm thứ 13	6,20	6,70	3,80	5,80
Năm thứ 14	5,90	6,70	3,80	5,80
Năm thứ 15	5,50	Giá trị còn lại	3,80	5,80
Năm thứ 16	5,40		3,80	5,80
Năm thứ 17	5,00		3,80	5,80
Năm thứ 18	5,50		Giá trị còn lại	5,80
Năm thứ 19	5,20			5,80
Năm thứ 20	Giá trị còn lại			Giá trị còn lại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 30 năm
Trung tâm thương mại	50 năm
Văn phòng cho thuê	50 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán bất động sản với giá trị còn lại của nó được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản vào ngày chuyển đổi.

3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng và phát triển các tòa nhà, văn phòng cho thuê, vườn cây và công trình thủy điện của Tập đoàn mà các dự án này chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Vườn cây

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây cao su, cây cọ dầu, vườn tiêu và vườn cây ăn quả như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

Dự án bờ

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hình thành và phát triển dự án bờ như giá trị bờ giống, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng, chuồng trại và các chi phí khác có liên quan.

Chi phí dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar

Bao gồm chi phí xây dựng và vận hành dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar tại số 192, Đường Kaba Aye Pagoda, Thị trấn Bahan, Thành phố Yangon, Myanmar, được thành lập theo Giấy Chứng nhận Thành lập số 248DC/2012-2013 ngày 6 tháng 12 năm 2012 cấp bởi Bộ Phát triển Kinh tế và Kế hoạch Quốc gia Myanmar. Đây là dự án xây dựng và vận hành khu Khách sạn, Trung tâm thương mại, Tòa nhà văn phòng và Căn hộ cho thuê tại Myanmar trên diện tích đất 73.358 m².

Công trình thủy điện

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng công trình thủy điện như chi phí đền bù đất, khai hoang, xây dựng đập, đường truyền dẫn và chi phí liên quan khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh. Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

Trường hợp tài sản cho thuê dài hạn thỏa các điều kiện sẽ được ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, trừ khi các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các kỳ mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước, chi phí phát triển vườn cây ăn quả, chi phí khai hoang và trồng cỏ, chi phí phát triển cầu thủ và các chi phí khác. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

- ▶ Tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, được phân bổ dần không quá ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ;
- ▶ Chi phí phát triển cây ăn quả, vườn cây khác, chi phí khai hoang và trồng cỏ bao gồm: chi phí giống, chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn. Các chi phí này được phân bổ theo thời gian gắn liền với đặc tính sinh trưởng của từng loại cây. Chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn cây được phân bổ theo thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này; và
- ▶ Chi phí phát triển cầu thủ bao gồm các chi phí liên quan đến việc đào tạo và phát triển các cầu thủ thuộc Học viện bóng đá Hoàng Anh Gia Lai - Arsenal JMG ("HAGL-JMG"). Chi phí phát triển cầu thủ được phân bổ trong vòng từ bảy (7) đến mười (10) năm căn cứ theo thời hạn hợp đồng đã ký kết giữa HAGL-JMG với các cầu thủ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý vào ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

Trong trường hợp Công ty mua lợi ích của cổ đông không kiểm soát của công ty con, chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ tương ứng với lợi ích của cổ đông không kiểm soát được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Trong trường hợp mua công ty con mà công ty con này không phải là doanh nghiệp kinh doanh thì giao dịch được xem là mua tài sản và khi đó những tài sản mua và các khoản nợ phải trả gánh chịu được xác định cụ thể và ghi nhận. Giá mua sẽ được phân bổ cho các tài sản và nợ phải trả được xác định cụ thể trên cơ sở giá trị hợp lý vào ngày mua.

Nếu việc hợp nhất kinh doanh liên quan đến các công ty hoặc doanh nghiệp dưới dạng kiểm soát chung, phương pháp cộng giá trị sổ sách được áp dụng như sau:

- ▶ Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất được phản ánh theo giá trị ghi sổ;
- ▶ Không có lợi thế thương mại mới phát sinh từ việc hợp nhất;
- ▶ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh kết quả hoạt động của các doanh nghiệp hợp nhất cho cả kỳ kế toán, bất kể thời điểm phát sinh nghiệp vụ hợp nhất; và
- ▶ Các số liệu so sánh được trình bày như thể các doanh nghiệp đã được hợp nhất trước đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào các công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của các công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của các công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào các công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cân trừ vào khoản đầu tư vào các công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư vào đơn vị khác

Đầu tư vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 228 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.15 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 *Lãi (lỗ) trên cổ phiếu*

Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (nếu có) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (nếu có) và đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong năm của trái phiếu chuyển đổi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.17 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo các nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là VND được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán bình quân của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản vào ngày kết thúc kỳ kế toán;
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá bình quân trong kỳ.
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi khoản đầu tư được thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 *Cổ phiếu quỹ*

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo giá gốc và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.19 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

▶ *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập nhằm đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

3.20 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

Doanh thu bán căn hộ

Doanh thu bán căn hộ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- ▶ Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- ▶ Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- ▶ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán căn hộ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

Thu nhập chuyển nhượng các khoản đầu tư

Thu nhập từ chuyển nhượng các khoản đầu tư được ghi nhận khi các thủ tục chuyển nhượng cổ phần đã hoàn tất và các bên tham gia đã hoàn tất các nghĩa vụ theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Doanh thu cho thuê tài sản dài hạn

Công ty ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản dài hạn một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC:

- ▶ Thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản;
- ▶ Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Công ty cho thuê không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- ▶ Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- ▶ Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê; và
- ▶ Tập đoàn phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) vào thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) vào thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.22 Dự phòng

Tập đoàn ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tập đoàn có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.23 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

3.24 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ

Mua cổ phần Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 1603/18/NQHĐQT-HAGL ngày 16 tháng 3 năm 2018, Hội đồng Quản trị thông qua việc Công ty mua 76.930.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai (“Hưng Thắng Lợi Gia Lai”) với giá là 32.200VND/cổ phiếu. Theo đó, vào ngày 17 tháng 3 năm 2018, Tập đoàn đã tiến hành cân trừ công nợ với các cá nhân để thanh toán số tiền 2.477.146.000 ngàn VND để mua toàn bộ số cổ phần nêu trên và tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong Hưng Thắng Lợi Gia Lai là 98,00%.

Giá trị hợp lý tạm thời được xác định của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Hưng Thắng Lợi Gia Lai tại ngày hợp nhất được trình bày dưới đây:

	<i>VND</i> <i>Giá trị hợp lý tạm thời được</i> <i>xác định tại ngày mua</i>
Tài sản	
Tiền	1.306.682
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.295.407.353
Hàng tồn kho	24.478.895
Các tài sản ngắn hạn khác	54.217
Tài sản cố định hữu hình – Giá trị thuần	491.079.463
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	237.519.659
Các tài sản dài hạn khác	435.666.755
	2.485.513.024
Nợ phải trả	
Các khoản nợ phải trả khác	818.838.629
Vay	233.695.438
	1.052.534.067
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý được xác định tạm thời	1.432.978.957
Phần tài sản thuần thuộc các cổ đông không kiểm soát	28.659.579
Phần tài sản thuần đã mua	1.404.319.378
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh	1.072.826.622
	2.477.146.000

Chuyển nhượng toàn bộ cổ phần trong Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai (“CNGL”)

Vào ngày 20 tháng 3 năm 2018, Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong CNGL cho Công ty Cổ phần Thực phẩm Heygo. Theo đó, số tiền lãi là 43.519.553 ngàn VND từ việc chuyển nhượng này được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Mua thêm cổ phần trong Công ty Cổ phần An Đông Mía (“ADM”)

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty mua thêm 6.000.000 cổ phiếu trong ADM từ Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong ADM tăng từ 43,43% lên 62,49%.

Chênh lệch giữa giá phí cao hơn giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của ADM vào ngày giao dịch là 169.104.526 ngàn VND đã được ghi nhận giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. TIỀN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Tiền mặt tại quỹ	7.933.325	17.195.074
Tiền gửi ngân hàng	213.800.757	124.278.417
Tiền đang chuyển	1.817.982	-
TỔNG CỘNG	223.552.064	141.473.491

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.018.620.861	1.145.033.158
<i>Trong đó:</i>		
- Công ty Xuất nhập khẩu Mittaphap	538.002.289	9.647.209
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Bolaven	395.578.715	-
- Các khách hàng khác	1.085.039.857	1.135.385.949
Phải thu từ dịch vụ xây dựng	792.506.184	857.261.771
<i>Trong đó:</i>		
- Phải thu Chính phủ Lào cho việc xây dựng sân bay	735.083.465	737.569.190
- Phải thu từ các khách hàng khác	57.422.719	119.692.581
Phải thu về thanh lý tài sản, bất động sản đầu tư và chuyển nhượng dự án	604.200.000	147.652.615
Phải thu tiền bán căn hộ	13.224.806	16.183.862
TỔNG CỘNG	3.428.551.851	2.166.131.406
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu các bên khác	3.207.840.580	1.524.457.388
Phải thu các bên liên quan (TM số 35.2)	220.711.271	641.674.018

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Số đầu kỳ	21.721.909	29.122.822
Tăng (hoàn nhập) dự phòng lập trong kỳ	11.869.619	(7.400.913)
Số cuối kỳ	33.591.528	21.721.909

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	129.777.705	535.943.781
<i>Trong đó:</i>		
- Công ty TNHH Sản xuất Chế biến Nông sản Cát Tường	20.218.907	20.218.907
- Phải thu từ các khách hàng khác	109.558.798	515.724.874
Trả trước cho nhà thầu của các công trình xây dựng căn hộ và mua máy móc, thiết bị (*)	55.870.396	71.917.466
Trả trước cho người bán khác	2.603.413	3.282.978
TỔNG CỘNG	188.251.514	611.144.225
<i>Trong đó:</i>		
Trả trước các bên liên quan (TM số 35.2)	10.180.461	412.870.972
Trả trước các bên khác	178.071.053	198.273.253

(*) Số dư trả trước người bán ngắn hạn bao gồm một khoản ứng trước cho một số cá nhân nhà thầu liên quan đến các dự án thủy điện với tổng giá trị 55.870.396 ngàn VND.

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Ngắn hạn		
Cho vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 35.2)	(i) 1.372.949.914	3.754.961.320
Cho vay ngắn hạn các bên khác	(ii) 93.640.704	214.816.226
	1.466.590.618	3.969.777.546
Dài hạn		
Cho vay dài hạn bên liên quan (TM số 35.2)	(i) 8.723.323.523	7.512.960.946
Cho vay dài hạn các bên khác	(ii) 249.733.219	269.428.797
Cho vay dài hạn Chính phủ Lào - Dự án sân bay quốc tế Attapeu	(iii) 171.534.495	169.589.065
	9.144.591.237	7.951.978.808
TỔNG CỘNG	10.611.181.855	11.921.756.354

(i) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho các bên liên quan có thời hạn hoàn trả từ năm 2018 đến năm 2022 và lãi suất trung bình từ 6,00% đến 15,00%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

(ii) Cho vay dài hạn và ngắn hạn các bên khác thể hiện khoản cho vay tín chấp các công ty với thời hạn hoàn trả từ năm 2018 đến năm 2023 với lãi suất trung bình từ 10% đến 15,1%/năm, chi tiết như sau:

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Samaki	152.554.634	141.465.392
Công ty TNHH Điện Quang Trung	-	168.015.082
Khác	185.743.858	174.764.549
TỔNG CỘNG	338.298.492	484.245.023

(iii) Khoản cho Chính phủ Lào vay - Dự án sân bay quốc tế Attapeu thể hiện khoản cho Chính phủ Lào vay không tính lãi theo Hợp đồng tín dụng được ký kết với Chính phủ Lào vào ngày 23 tháng 5 năm 2013 để hỗ trợ tài chính xây dựng sân bay quốc tế Attapeu tại Lào. Khoản vay này sẽ được cần trừ với tiền thuế và các nghĩa vụ khác phải trả cho Chính phủ Lào trong tương lai.

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Nợ gốc (USD)	7.482.421	7.482.421
Nợ gốc (Ngàn VND)	171.534.495	169.589.065

9. PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Ngắn hạn	925.435.946	756.477.238
Lãi cho vay các công ty	506.865.825	496.345.797
Cho mượn các công ty	212.491.542	51.053.406
Tạm ứng cho nhân viên	70.755.867	96.402.593
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	37.646.028	42.532.151
Phải thu ngắn hạn khác	97.676.684	70.143.291
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu ngắn hạn các bên liên quan (TM số 35.2)</i>	711.743.997	558.864.605
<i>Phải thu các bên khác</i>	213.691.949	197.612.633
Dài hạn	515.930.010	935.439.558
Lãi cho vay các công ty	502.180.676	548.843.689
Các khoản ký quỹ dài hạn	12.404.380	12.838.699
Cho mượn các công ty	-	248.004.789
Phải thu Hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	125.750.981
Phải thu dài hạn khác	1.344.954	1.400
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu dài hạn các bên liên quan (TM số 35.2)</i>	502.489.175	890.477.069
<i>Phải thu các bên khác</i>	13.440.835	44.962.489
TỔNG CỘNG	1.441.365.956	1.691.916.796

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.019.294.424	837.389.494
<i>Trong đó:</i>		
<i>Hoạt động xây dựng (i)</i>	587.966.055	610.961.724
<i>Hoạt động sản xuất</i>	303.351.303	111.137.954
<i>Chi phí nuôi bò thịt (ii)</i>	109.996.754	111.197.997
<i>Cung cấp dịch vụ</i>	17.980.312	4.091.819
Nguyên vật liệu	205.956.564	134.446.820
Căn hộ sẵn sàng để bán (iii)	36.395.298	76.898.171
Thành phẩm	61.268.928	15.814.079
Hàng hóa	40.609.690	40.553.412
Công cụ, dụng cụ	20.604.766	7.955.419
Vật liệu xây dựng	18.406.712	13.440.800
TỔNG CỘNG	1.402.536.382	1.126.498.195
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(30.866.219)	(7.645.680)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.371.670.163	1.118.852.515

- (i) Trong đó chủ yếu thể hiện khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Hợp đồng Xây dựng Sân bay Quốc tế Nongkhang tại tỉnh Hua Phan, Cộng hòa Dân chủ - Nhân dân Lào theo hợp đồng xây dựng số No.LAO - NKP01, ngày 15 tháng 6 năm 2013 với tổng giá trị nghiệm thu cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 là: 25.584.644 USD (ngày 31 tháng 12 năm 2017 là: 25.584.644 USD). Theo biên bản làm việc số 27610/GTVT ngày 12 tháng 12 tháng 2017 giữa đại diện chủ đầu tư là Cục hàng không dân dụng chính phủ Lào, đại diện Công ty Tư vấn Giám sát dự án và Tập đoàn, dự án đã được gia hạn thời gian thực hiện đến hết tháng 6 năm 2019.
- (ii) Tất cả bò thịt đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Tập đoàn (TM số 25).
- (iii) Các căn hộ sẵn sàng để bán đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Tập đoàn (TM số 25).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Ngàn VND						
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Vật nuôi và cây trồng lâu năm	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	2.675.785.086	565.879.747	2.207.365.851	11.010.445	4.504.508.861	52.727.011	10.017.277.001
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	11.510.853	461.428	29.923.365	115.066	2.485.173.982	2.289.712	2.529.474.406
Mua trong kỳ	242.085.102	27.815.925	(216.946.385)	994.659	272.611.039	3.047.944	329.608.284
Mua công ty con	192.294.332	5.049.377	335.328.031	-	-	-	532.671.740
Chênh lệch tỷ giá	9.404.212	(1.211.784)	(1.814.979)	2.042.459	(11.080.865)	(1.038.004)	(3.698.961)
Thanh lý	(18.013.612)	(1.190.871)	-	-	(148.055.270)	-	(167.259.753)
Thanh lý công ty con	-	(1.107.150)	(359.519)	-	-	-	(1.466.669)
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>3.113.065.973</u>	<u>595.696.672</u>	<u>2.353.496.364</u>	<u>14.162.629</u>	<u>7.103.157.747</u>	<u>57.026.663</u>	<u>13.236.606.048</u>
Giá trị khấu hao lũy kế							
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	(368.936.854)	(262.077.872)	(428.992.933)	(8.019.623)	(332.378.859)	(26.786.048)	(1.427.192.189)
Khấu hao trong kỳ	(97.745.740)	(34.647.769)	(77.920.753)	(648.797)	(111.069.146)	(3.337.065)	(325.369.270)
Mua công ty con	(13.205.868)	(1.859.175)	(26.527.234)	-	-	-	(41.592.277)
Thanh lý	5.642.214	1.063.354	(17)	-	41.011.589	-	47.717.140
Thanh lý công ty con	-	148.771	24.967	-	-	-	173.738
Chênh lệch tỷ giá	109.482	1.910.905	580.226	(1.689.370)	836.108	8.395	1.755.746
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>(474.136.766)</u>	<u>(295.461.786)</u>	<u>(532.835.744)</u>	<u>(10.357.790)</u>	<u>(401.600.308)</u>	<u>(30.114.718)</u>	<u>(1.744.507.112)</u>
Giá trị còn lại							
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>2.306.848.232</u>	<u>303.801.875</u>	<u>1.778.372.918</u>	<u>2.990.822</u>	<u>4.172.130.002</u>	<u>25.940.963</u>	<u>8.590.084.812</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>2.638.929.207</u>	<u>300.234.886</u>	<u>1.820.660.620</u>	<u>3.804.839</u>	<u>6.701.557.439</u>	<u>26.911.945</u>	<u>11.492.098.936</u>
<i>Trong đó:</i>							
Tài sản sử dụng để cầm cố /thế chấp các khoản vay (TM số 25)	1.198.193.361	211.815.220	1.720.051.491	324.938	6.097.946.896	9.532.317	9.237.864.223
Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết	13.759.621	40.144.903	40.312.547	2.988.457	6.689.440	2.719.558	106.614.526

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Tập đoàn đã sử dụng giá trị Khách sạn Hoàng Anh Attapeu, thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu, công ty con trong Tập đoàn, để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng của Công ty TNHH Mía đường Thành Thành Công Attapeu, bên thứ ba. Chi tiết như sau:

				Ngàn VND
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Tài sản khác	Tổng cộng
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	51.094.854	587.519	1.921.996	53.604.369

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Ngàn VND		
	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	1.287.750.559	134.285.181	1.422.035.740
Chênh lệch tỷ giá	14.400.993	-	14.400.993
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	1.302.151.552	134.285.181	1.436.436.733
Giá trị hao mòn lũy kế			
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	(22.629.124)	(68.425.372)	(91.054.496)
Hao mòn trong kỳ	(5.952.960)	(8.152.615)	(14.105.575)
Chênh lệch tỷ giá	(247.194)	-	(247.194)
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	(28.829.278)	(76.577.987)	(105.407.265)
Giá trị còn lại			
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	1.265.121.435	65.859.809	1.330.981.244
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	1.273.322.274	57.707.194	1.331.029.468
<i>Trong đó:</i>			
Tài sản sử dụng để cầm cố/thế chấp các khoản vay (TM số 25)	1.273.322.274	-	1.273.322.274

(*) Khoản này chủ yếu thể hiện giá trị quyền sử dụng đất trả trước của dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Ngàn VND				
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Văn phòng cho thuê</i>	<i>Trung tâm thương mại</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá					
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	27.072.022	17.558.404	2.222.825.169	1.130.596.596	3.398.052.191
Chênh lệch tỷ giá	-	-	25.498.987	12.969.562	38.468.549
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>27.072.022</u>	<u>17.558.404</u>	<u>2.248.324.156</u>	<u>1.143.566.158</u>	<u>3.436.520.740</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	(1.478.788)	(3.066.599)	(111.639.628)	(71.802.927)	(187.987.942)
Khấu hao trong kỳ	(369.697)	(301.220)	(26.737.094)	(17.954.522)	(45.362.533)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	(1.280.649)	(823.683)	(2.104.332)
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>(1.848.485)</u>	<u>(3.367.819)</u>	<u>(139.657.371)</u>	<u>(90.581.132)</u>	<u>(235.454.807)</u>
Giá trị còn lại					
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>25.593.234</u>	<u>14.491.805</u>	<u>2.111.185.541</u>	<u>1.058.793.669</u>	<u>3.210.064.249</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>25.223.537</u>	<u>14.190.585</u>	<u>2.108.666.785</u>	<u>1.052.985.026</u>	<u>3.201.065.933</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Tài sản sử dụng để cầm cố/thế chấp các khoản vay (TM số 25)</i>	25.223.537	14.190.585	2.108.666.772	1.052.985.039	3.201.065.933

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Các khoản doanh thu cho thuê và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	395.113.139	327.754.178
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	171.291.225	137.569.322

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 6 năm 2018. Tuy nhiên, dựa trên tỷ lệ cho thuê của các tài sản này, Ban Giám đốc Tập đoàn tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Chi phí phát triển vườn cây cao su	6.015.223.184	7.960.502.432
Chi phí phát triển vườn cây cọ dầu	3.479.912.819	3.348.265.882
Nhà máy thủy điện (*)	3.379.746.055	3.385.682.060
Chi phí phát triển vườn cây ăn quả	2.247.944.918	1.703.067.342
Nhà xưởng và nhà máy nông trường	731.025.911	687.226.986
Chi phí dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar	487.392.996	351.086.244
Học viện bóng đá HAGL - Arsenal JMG	60.105.472	53.432.133
Chi phí phát triển vườn tiêu	32.992.005	114.959.517
Chi phí xây dựng chuồng bò	6.931.646	6.617.792
Khác	117.782.848	139.280.504
TỔNG CỘNG	<u>16.559.057.854</u>	<u>17.750.120.892</u>

Vườn cây cao su, cây cọ dầu, Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar, nhà máy thủy điện, vườn tiêu, chi phí dự án bò, vườn cây ăn quả và các công trình khác đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Tập đoàn (TM số 24).

(*) Các dự án thủy điện trị giá 3.379.746.055 ngàn VND đã được ký kết hợp đồng mua bán với Chaleun Sekong Group ("CSG") vào năm 2016 và 2018. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 Tập đoàn đã nhận được một khoản tiền ứng trước từ đối tác này (TM số 20).

15. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong kỳ, Tập đoàn đã vốn hóa chi phí đi vay trị giá 337.065.568 ngàn VND (kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017: 371.127.144 ngàn VND). Các khoản chi phí đi vay này phát sinh từ các khoản vay ngân hàng và phát hành trái phiếu để sử dụng cho việc xây dựng và phát triển các tài sản cố định, công trình thủy điện, cao su, cọ dầu và dự án khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá trị ghi sổ	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị ghi sổ
		(%)	Ngàn VND	(%)	Ngàn VND
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai ("CNGL") (*)	Chăn nuôi và cây ăn quả	-	-	23,46	573.944.413
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar (**)	Trồng cây cao su	49,14	267.518.797	49,14	265.778.583
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Tư vấn và thiết kế	25,00	7.609.521	25,00	7.609.521
TỔNG CỘNG			275.128.318		847.332.517

Theo tỷ lệ sở hữu của công ty con trong Tập đoàn trực tiếp đầu tư vào các công ty này.

(*) Vào ngày 20 tháng 3 năm 2018, Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong CNGL cho Công ty Cổ phần Thực phẩm Heygo. Theo đó, số tiền lãi là 43.519.553 ngàn VND từ việc chuyển nhượng này được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

(**) Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar ("Bidiphar") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3503000155 do SKHĐT Tỉnh Bình Định cấp vào ngày 14 tháng 9 năm 2007 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Hoạt động kinh doanh chính của Bidiphar là trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến cao su.

Giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 như sau:

	Ngàn VND
	<i>Tổng cộng</i>
Giá gốc đầu tư	
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	856.553.911
Thanh lý	(589.200.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>267.353.911</u>
Phần lợi nhuận lũy kế sau khi đầu tư	
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	(9.221.394)
Phần lỗ từ công ty liên kết trong kỳ	(12.539.270)
Thanh lý	29.535.071
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>7.774.407</u>
Giá trị còn lại	
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>847.332.517</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>275.128.318</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Chi phí phát triển vườn cây ăn quả	803.479.006	338.141.701
Chi phí hoạt động trả trước của dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar	307.432.136	326.864.840
Chi phí khai hoang	103.477.887	119.745.845
Tiền thuê đất	71.369.035	77.325.774
Chi phí đào tạo học viện bóng đá HAGL - JMG	33.134.994	36.580.897
Chi phí thuê văn phòng	24.173.075	24.595.489
Công cụ, dụng cụ	13.129.543	17.902.929
Chi phí trả trước dài hạn khác	24.741.410	35.147.018
TỔNG CỘNG	<u>1.380.937.086</u>	<u>976.304.493</u>

18. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Ngàn VND	
	Giá trị	
Nguyên giá		
Ngày 31 tháng 12 năm 2017		3.013.468.551
Mua công ty con		<u>1.072.826.622</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2018		<u>4.086.295.173</u>
Giá trị phân bổ lũy kế		
Ngày 31 tháng 12 năm 2017		(474.830.255)
Phân bổ trong kỳ		<u>(186.218.813)</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2018		<u>(661.049.068)</u>
Giá trị còn lại		
Ngày 31 tháng 12 năm 2017		<u>2.538.638.296</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2018		<u>3.425.246.105</u>

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải trả người bán hàng hóa và dịch vụ	452.128.652	581.265.959
<i>Trong đó:</i>		
- <i>Nanan International Industrial Limited</i>	140.127.458	434.193
- <i>Khác</i>	312.001.194	580.831.766
Phải trả nhà thầu xây dựng	430.455.649	386.759.864
Phải trả người bán khác	822.167	2.301.713
TỔNG CỘNG	<u>883.406.468</u>	<u>970.327.536</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả người bán khác</i>	763.308.306	691.265.856
<i>Phải trả các bên liên quan (TM số 35.2)</i>	120.098.162	279.061.680

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Chaleun Sekong Group (“CSG”) ứng tiền trước (TM số 14)	2.248.361.503	1.937.491.633
Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước (i)	669.968.248	630.303.525
Khách hàng dịch vụ xây dựng trả tiền trước	194.864.544	194.864.544
Khách hàng thương mại trả tiền trước	306.913.757	401.485.954
<i>Trong đó:</i>		
- Công ty Cổ phần Chăn nuôi Bình Hà	84.416.100	103.163.300
- Các khách hàng khác	222.497.657	298.322.654
TỔNG CỘNG	3.420.108.052	3.164.145.656
<i>Trong đó:</i>		
Các khách hàng khác	3.225.219.948	2.840.041.664
Các bên liên quan (TM số 35.2)	194.888.104	324.103.992

(i) Khoản nhận tiền ứng trước từ khách hàng mua căn hộ tại dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar.

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2018
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TM số 34.1)	1.535.722	7.539	-	1.543.261
Thuế khác	4.478.436	1.263.136	(21.576)	5.719.996
TỔNG CỘNG	6.014.158	1.270.675	(21.576)	7.263.257
Phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	35.251.988	8.608.861	(31.084.237)	12.776.612
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TM số 34.1)	84.361.805	(4.118.355)	(3.949.425)	76.294.025
Thuế thu nhập cá nhân	11.625.323	4.478.775	(4.617.936)	11.486.162
Thuế khác	66.975.218	352.798.294	(272.106.455)	147.667.057
TỔNG CỘNG	198.214.334	361.767.575	(311.758.053)	248.223.856

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Chi phí lãi vay	2.692.581.133	2.133.992.109
<i>Trong đó:</i>		
<i>Ngắn hạn</i>	911.377.613	814.814.494
<i>Dài hạn</i>	1.781.203.520	1.319.177.615
Chi phí hoạt động	829.058.172	770.261.297
Chi phí phát hành trái phiếu	43.414.660	43.414.660
TỔNG CỘNG	<u>3.565.053.965</u>	<u>2.947.668.066</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Ngắn hạn</i>	1.783.850.445	1.628.490.451
<i>Dài hạn</i>	1.781.203.520	1.319.177.615

23. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Ngắn hạn	3.563.515.834	3.358.503.373
Phải trả tiền mượn các công ty	1.833.713.120	1.669.979.606
Phải trả Hợp đồng hợp tác kinh doanh (i)	1.357.055.000	1.282.500.000
Phải trả tiền thuê đất	134.329.337	133.957.484
Phải trả các cá nhân khác	148.586.406	109.720.058
Phí bảo trì căn hộ	23.867.006	24.585.898
Các khoản khác	65.964.965	137.760.327
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn các bên khác</i>	610.557.995	1.213.572.854
<i>Phải trả ngắn hạn các bên liên quan (TM số 35.2)</i>	2.952.957.839	2.144.930.519
Dài hạn	959.966.104	937.538.732
Phải trả Hợp đồng hợp tác kinh doanh (ii)	550.000.000	550.000.000
Nhận ký quỹ dài hạn (iii)	243.717.828	235.056.332
Tiền thuê đất phải trả	151.366.023	135.669.657
Các khoản khác	14.882.253	16.812.743
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả dài hạn các bên khác</i>	407.395.903	387.461.166
<i>Phải trả dài hạn các bên liên quan (TM số 35.2)</i>	552.570.201	550.077.566
TỔNG CỘNG	<u>4.523.481.938</u>	<u>4.296.042.105</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)

- (i) Số dư khoản phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh ("HĐHTKD") ngắn hạn bao gồm:
- Các HĐHTKD được ký kết ngày 1 tháng 9 năm 2017 với các cá nhân (bên liên quan) về việc hợp tác đầu tư vào các dự án trồng cây ăn trái của Tập đoàn. Các HĐHTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lợi nhuận sẽ được chia dựa vào kết quả kinh doanh của dự án với thời hạn hợp tác là 1 năm kể từ ngày hợp đồng (TM số 35.2).
 - HĐHTKD giữa Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên và Công ty TNHH Dịch vụ Nông Nghiệp Tây Nguyên ("NNTN") để đầu tư vào dự án chăn nuôi bò thịt tại Tỉnh Gia Lai với tổng giá trị đầu tư dự kiến vào dự án là 150.000.000 ngàn VND với thời hạn một (1) năm theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 2010/2017/HTKD/BSTN - DVNN ngày 20 tháng 10 năm 2017. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, NNTN đã góp số tiền là 150.000.000 ngàn VND. Việc hợp tác đầu tư này sẽ không hình thành pháp nhân mới và lợi nhuận từ dự án sẽ được chia theo tỷ lệ góp vốn thực tế của các bên.
- (ii) Hợp đồng hợp tác kinh doanh dài hạn giữa Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên, công ty con trong Tập đoàn, và Công ty TNHH An Tiến ("An Tiến"), bên liên quan, để đầu tư vào dự án chăn nuôi bò thịt, bò sinh sản với tổng giá trị dự án là 963.968.249 ngàn VND trong thời hạn năm (5) năm (từ ngày 20 tháng 5 năm 2016 đến ngày 20 tháng 5 năm 2021). Theo đó, An Tiến cam kết góp 700.000.000 ngàn VND và Tập đoàn cam kết góp 263.968.249 ngàn VND vốn đầu tư vào dự án. Lợi nhuận từ dự án sẽ được chia theo tỷ lệ góp vốn thực tế của các bên.
- (iii) Khoản nhận ký quỹ dài hạn chủ yếu là tiền ký quỹ thuê căn hộ, trung tâm thương mại và văn phòng dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar.

24. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và dài hạn thể hiện phần doanh thu nhận trước liên quan đến các dịch vụ phát sinh từ Dự án Trung tâm Thương mại Hoàng Anh Gia Lai Myanmar.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngàn VND Ngày 30 tháng 6 năm 2018
Vay ngắn hạn				
Vay ngắn hạn ngân hàng (TM số 25.1)	728.781.281	1.157.482.914	(741.932.957)	1.144.331.238
Vay ngắn hạn khác (TM số 25.4)	819.891.654	108.906.710	(670.079.988)	258.718.376
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (TM số 25.3)	579.091.848	878.068.017	(257.945.222)	1.199.214.643
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả (TM số 25.2)	401.099.073	197.526.709	(278.898.826)	319.726.956
Vay dài hạn khác đến hạn trả (TM số 25.4)	-	7.278.800	16.880	7.295.680
	<u>2.528.863.856</u>	<u>2.349.263.150</u>	<u>(1.948.840.113)</u>	<u>2.929.286.893</u>
Vay dài hạn				
Vay dài hạn ngân hàng (TM số 25.3)	9.308.802.300	128.752.060	(753.759.437)	8.683.794.923
Trái phiếu thường (TM số 25.2)	10.965.896.345	9.280.805	(197.569.380)	10.777.607.770
Vay dài hạn khác (TM số 25.4)	21.511.204	756.412.270	(7.337.237)	770.586.237
	<u>20.296.209.849</u>	<u>894.445.135</u>	<u>(958.666.054)</u>	<u>20.231.988.930</u>
TỔNG CỘNG	<u>22.825.073.705</u>	<u>3.243.708.285</u>	<u>(2.907.506.167)</u>	<u>23.161.275.823</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	376.368.472	171.945.940
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt ("Ngân hàng Lào - Việt")	374.644.999	119.898.087
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("TPBank")	299.686.888	321.597.754
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank")- Chi nhánh Campuchia	58.519.300	80.737.650
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia ("BIDC")	35.111.579	34.601.850
TỔNG CỘNG	<u>1.144.331.238</u>	<u>728.781.281</u>

Các khoản vay ngắn hạn được sử dụng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Tập đoàn. Các khoản vay này chịu lãi suất thả nổi và được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, nhà xưởng và văn phòng, máy móc thiết bị, vườn cây cao su, vườn cây cọ dầu và đàn bò của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 Ngàn VND	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12, 13 và 14)
a. BIDV, Chi nhánh Gia Lai				
Khoản vay 1	34.469.388	Ngày 29 tháng 9 năm 2018	Thả nổi dao động từ 9,00% - 11,00%/năm	Tín chấp
Khoản vay 2	112.205.000	Từ ngày 15 tháng 7 năm 2018 đến ngày 16 tháng 10 năm 2018	USD: 7,70% - 7,90%/năm VND: 9,30% - 11,60%/năm	2 tầng thuộc khu thương mại nằm trên thửa đất số 478, tờ bản đồ số 9 tại Tổ hợp chung cư - Thương mại Bàu Thạc Gián, Đường Hàm Nghi, Phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam thuộc sở hữu của HAG; 7 xe ô tô thuộc sở hữu HAG; 3.310.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của HAG; Quyền sử dụng và khai thác 1.194,74 ha cao su tại Xã Pờ Tó, Huyện Iapa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên
Khoản vay 3	229.694.084	Từ ngày 8 tháng 8 năm 2018 đến ngày 2 tháng 10 năm 2018	Thả nổi dao động từ 9,40% - 10,00%/năm	Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai là động sản và bất động sản trên diện tích đất 335 ha tại Tỉnh Attapeu, Lào. Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai là vườn cây cao su, cọ dầu và cây ăn trái trên diện tích đất 2.000,13 ha tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu Công ty TNHH PTNN Hoàng Anh Attapeu. Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai trên diện tích đất 1.093 ha tại Tỉnh Kratie, Campuchia thuộc Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia)
	376.368.472			
b. TP Bank				
Hội sở Hà Nội	299.686.888	Từ ngày 9 tháng 2 năm 2019 đến ngày 27 tháng 3 năm 2019	Bằng tổng lãi suất tiết kiệm 3 tháng TPBank cộng với biên độ 3,20%/năm (2018: 10,20% - 10,50%/năm)	Quyền sử dụng đất 180,4 ha và tài sản gắn liền trên đất tại Gia Lai, Việt Nam của Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai; quyền sử dụng đất 925 ha của Công ty TNHH Cao Su Eastern và tài sản gắn liền trên đất tại tỉnh Kratie, Campuchia

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.2 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 Ngàn VND	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12, 13 và 14)
c. Ngân hàng Lào - Việt ("LVB"), Chi nhánh Attapeu				
Khoản vay 1	103.569.467	Ngày 7 tháng 9 năm 2018	8,00%- 10,00%/năm	Quyền sử dụng 3 lô đất 1.001,78 ha tại Huyện Laman, Tỉnh Sekong, Lào và toàn bộ tài sản trên đất thuộc dự án nuôi bò và đàn bò nhập khẩu thuộc sở hữu của Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh Quang Minh
Khoản vay 2	271.075.532	Từ ngày 21 tháng 6 năm 2018 đến ngày 24 tháng 6 năm 2019	8,00%/năm	Trụ sở làm việc của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng tại Bản NongYoi, Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào trên thửa đất số 03; Toàn bộ công trình dự án trồng 853 ha cây chanh dây tại Bản Phanoundong, bản Nongkuong, bản Huội Kong - Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào và toàn bộ công trình vườn tiêu trồng 26.7ha tại bản Nongkuong, Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng
	<u>374.644.999</u>			
d. Ngân hàng Sacombank, Chi nhánh Campuchia				
Khoản vay 1 - 3	<u>58.519.300</u>	Ngày 10 tháng 4 năm 2019	9,00%/năm	Đất tô nhượng và vườn cao su tại Thôn Sre Thmay, Xã Khsum, Huyện Snoi, Tỉnh Kro Ches, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH Cao Su Eastern (Cambodia)
e. BIDC	<u>35.111.579</u>	Từ ngày 21 tháng 9 năm 2018 đến ngày 2 tháng 11 năm 2018	9,00%/năm	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất bao gồm công trình xây dựng và các dự án đầu tư tại thửa đất Civ 0030-0182; Civ0031-0183; Civ0032-0184, Civ 0036-0188, Civ 0037-0189; Civ 0038-0190; Civ 0039- 0191; Civ 0040- 0192 thuộc sở hữu của Công ty TNHH Cao Su Eastern (Cambodia)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.2 Trái phiếu thường

Chi tiết trái phiếu thường như sau:

<i>Tổ chức thu xếp phát hành</i>	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
BIDV và Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BSC")	5.876.000.000	5.876.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Euro Capital ("ECS")	1.694.000.000	1.694.000.000
Công ty Chứng khoán Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng ("VPBS")	991.000.000	991.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia ("PHUGIASC")	930.000.000	930.000.000
Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS")	540.000.000	756.649.915
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT ("FPTS") và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ("VPB")	594.000.000	594.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB ("IBSC")	551.751.089	614.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(79.416.363)	(88.654.497)
TỔNG CỘNG	<u>11.097.334.726</u>	<u>11.366.995.418</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trái phiếu dài hạn</i>	<i>10.777.607.770</i>	<i>10.965.896.345</i>
<i>Trái phiếu dài hạn đến hạn trả</i>	<i>319.726.956</i>	<i>401.099.073</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.2 Trái phiếu thường (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền Ngàn VND	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
BIDV và BSC	BIDV	5.876.000.000	Trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng bằng VND được công bố tại Chi nhánh của 4 NHTM tại Tỉnh Gia Lai, bao gồm: Agribank, BIDV, Vietcombank và Vietinbank cộng với biên độ 3,00%/năm (2018: 9,67% - 9,70/năm)	Ngày 30 tháng 12 năm 2026	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	Các quyền thuê đất như sau: 4.852,74 ha tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Công nghiệp - Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh; 9.996,9 ha (trồng cao su) tại Tỉnh Attapeu ; 5.588 ha (trồng cao su) và 2.093 ha (trồng cọ dầu) tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu; 9.380,9 ha tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas; 1.960,91 ha tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH Heng Brothers; 3.283,66 ha tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH C.R.D Tất cả tài sản (động sản và bất động sản) gắn liền trên đất và mọi quyền, quyền lợi và lợi ích gắn liền với hoặc phát sinh từ tài sản gắn liền với đất như trên; Quyền sở hữu và quyền được bồi thường khi phát sinh các sự kiện bảo hiểm theo các hợp đồng bảo hiểm đối với tài sản gắn liền với đất nêu trên; 44.926.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.2 Trái phiếu thường (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền Ngàn VND	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
ECS (*)	VPB	1.394.000.000	10,50% cho 3 kỳ tính lãi đầu tiên và các kỳ tính lãi tiếp theo bằng tổng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của VPB - Chi nhánh Sở Giao dịch cộng với biên độ 4,50%/năm (2018: 10,80% - 11,80%/năm)	Từ ngày 17 tháng 8 năm 2019 đến ngày 17 tháng 12 năm 2021	Mục đích phát hành trái phiếu này là để cơ cấu lại một phần nợ gốc trái phiếu có tổng mệnh giá 2.000 tỷ VND được phát hành vào tháng 12 năm 2012, bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Tập đoàn bao gồm dự án trồng và chăm sóc cây cao su và cọ dầu tại Campuchia và Lào	166.717.250 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi HAG. Trong đó, 31.000.000 cổ phiếu HNG đã được dùng để đảm bảo cho trái phiếu có tổng mệnh giá 600 tỷ VND - Trái phiếu HAGL 600 do HAG phát hành
	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	300.000.000		Từ ngày 17 tháng 2 năm 2019 đến ngày 17 tháng 12 năm 2021		
		1.694.000.000				
Trong đó: Trái phiếu dài hạn đến hạn trả		148.831.510				
VPBS	VPB	991.000.000	Bằng lãi suất tiền gửi đối với tổ chức kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của VPB cộng với biên độ áp dụng cho ba (3) kỳ tính lãi thuộc năm đầu tiên là 3,50%/năm và các kỳ tính lãi tiếp theo là 3,25%/năm (2018: 10,70% - 11,50%/năm)	Từ ngày 28 tháng 7 năm 2019 đến ngày 28 tháng 7 năm 2021	Hợp tác kinh doanh thực hiện Dự án chăn nuôi bò thịt và bò sữa tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam với CNGL (600 tỷ VND), và tăng quy mô vốn hoạt động của Công ty (400 tỷ VND)	110.628.505 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; 4.700.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT; 19.940.000 cổ phiếu của HNG tại Công ty Cổ phần Đông Pênh và dự án Daun Pênh với quy mô 73.760.785 m ² tại Tỉnh Ratarakiri, Campuchia thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH Daun Pênh Agric

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, các điều kiện ràng buộc như được quy định trong hợp đồng trái phiếu đã bị vi phạm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.2 Trái phiếu thường (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền Ngàn VND	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
PHUGIASC	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát Triển TP.HCM - Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai	930.000.000	Lãi suất điều chỉnh 3 tháng một lần và bằng chi phí vốn VND 12 tháng do ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM cộng với biên độ 3,50%/năm (2018: 11,00% - 11,50%/năm)	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	74.070.455 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; 10.800.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT; 196.368.900 cổ phần HAN thuộc sở hữu của Công ty
ACBS	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	240.000.000	Bảng trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm doanh nghiệp kỳ hạn 13 tháng bằng Đồng Việt Nam cộng với biên độ 3,50%/năm (2018: 10,90%/năm)	Từ ngày 30 tháng 6 năm 2018 đến ngày 30 tháng 12 năm 2020	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Tập đoàn và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	12.960.000 cổ phiếu HAG của Chủ tịch HĐQT; 13.405.675 cổ phiếu HNG do Công ty nắm giữ; 45.230.000 cổ phiếu của CNGL sở hữu bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú
	Công ty Cổ phần Việt Golden Farm (*)	300.000.000	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 13 tháng của NHTMCP Tiên Phong cộng với biên độ 4,50% (2018: 10,00%/năm)	18 tháng 6 năm 2023	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	196.368.900 cổ phần HAN thuộc quyền sở hữu của Công ty; Tài sản hình thành từ công trình xây dựng Khu phức Hợp Hoàng Anh Myanmar của Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Myanmar
		540.000.000				

Trong đó:

Trái phiếu dài hạn
đến hạn trả

120.000.000

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, các điều kiện ràng buộc như được quy định trong hợp đồng trái phiếu đã bị vi phạm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.2 Trái phiếu thường (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền Ngàn VND	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
FPTS và VPB	VPB	594.000.000	Bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng VND đối với cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của VPB được xác định tại ngày xác định LS + biên độ 4,00%/năm (2018: 11,00 - 11,40%/năm)	Ngày 27 tháng 12 năm 2021	Dự án chăn nuôi bò thịt tại xã Ia Băng, Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam cho Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên, là công ty con, dưới hình thức hợp tác đầu tư	196.368.900 cổ phần HAN sở hữu bởi HAG; Tài sản hình thành từ công trình xây dựng Khu Phức hợp Hoàng Anh Myanmar và vốn góp 51 triệu USD của HAN vào HAGL Myanmar; 225.970.000 cổ phần của Thủy điện HAGL; 166.345.440 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; 19.940.000 cổ phần của HNG tại Công ty Cổ phần Đông Pênh và Dự án 7.376,08 ha cọ dầu của Công ty TNHH Daun Penh Agrico tại Xã Chey Ou Dom, Huyện Lumphat, Tỉnh Ratanakiri, Campuchia
IBSC	VPB	164.134.021	Bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng VND đối với cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của VPB được xác định tại ngày xác định LS + biên độ 4,00%/năm (2018: 11,10% - 11,50%/năm)	Ngày 29 tháng 12 năm 2020	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	166.345.440 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; Dự án 7.376,08 ha cọ dầu của Công ty TNHH Daun Penh Agrico tại Xã Chey Ou Dom, Huyện Lumphat, Tỉnh Ratanakiri, Campuchia và 4.700.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT
	VPB	387.617.068	10,50% cho 3 kỳ tính lãi đầu tiên và các kỳ tính lãi tiếp theo bằng tổng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của VPB cộng với biên độ 4,00% (2018: 10,50% - 11,50%/năm)	Từ ngày 27 tháng 9 năm 2018 đến ngày 27 tháng 12 năm 2020	Tái cơ cấu lại nợ lãi trái phiếu của trái phiếu mệnh giá 1.400 tỷ VND	166.345.440 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi HAG; và toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với 7.376 ha đất tại Huyện Lumphat, Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH Daun Penh Agrico và 4.700.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT
TỔNG CỘNG		<u>551.751.089</u>				
Trong đó:						
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả		50.895.446				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.3 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	2.971.533.169	2.950.770.245
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank")	2.770.682.135	2.924.753.645
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt ("Ngân hàng Lào - Việt")	1.397.072.765	1.420.718.793
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HDBank")	1.495.354.459	1.401.510.119
Ngân Hàng TMCP Tiên Phong ("TPBank")	1.229.055.669	1.190.141.346
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia ("BIDC")	19.311.369	-
TỔNG CỘNG	9.883.009.566	9.887.894.148
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vay dài hạn</i>	8.683.794.923	9.308.802.300
<i>Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả</i>	1.199.214.643	579.091.848

Các khoản vay này được sử dụng chủ yếu để tài trợ cho các dự án xây dựng và phát triển thủy điện, trồng cây cao su và mía, phát triển dự án bò thịt, xây dựng trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng, khách sạn và mua sắm máy móc thiết bị của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

<i>Tên ngân hàng</i>	<i>Số tiền Ngàn VND</i>	<i>Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12, 13 và 14)</i>
<i>BIDV, Chi nhánh Gia Lai</i>				
Khoản vay 1 (*)	732.405.812	Từ ngày 31 tháng 12 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026	7,20%/năm	Quyền sử dụng đất và vườn cây cao su với quy mô 9.996,9 ha tại Huyện Saysetha và Huyện Phu Vong, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu
Khoản vay 2 (*)	217.959.830	Ngày 31 tháng 8 năm 2019	Lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn lớn hơn 12 tháng do BIDV thông báo + 3,20% (2018: 11,00%/năm)	Tài sản hình thành từ vốn vay, dự án chăn nuôi bò thịt tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Bò Sữa Tây Nguyên
Khoản vay 3	81.317.577	Đến 26 tháng 12 năm 2024	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 5,00%/năm (2018: 7,00%/năm)	Toàn bộ giá trị đầu tư và quyền khai thác của công trình Thủy điện Nậm Kông 2 được hình thành trong tương lai; Toàn bộ văn phòng hội sở chính Hoàng Anh Gia Lai và Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai
Khoản vay 4	71.776.521	Ngày 31 tháng 8 năm 2019	Lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn lớn hơn 12 tháng do BIDV thông báo + 3,20% (2018: 11,20%/năm)	Tài sản hình thành từ vốn vay, dự án chăn nuôi bò thịt tại tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Bò Sữa Tây Nguyên
Khoản vay 5	65.968.272	Ngày 31 tháng 8 năm 2019	Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + 3,00% nhưng không thấp hơn tại thời điểm cho vay, điều chỉnh 3 tháng 1 lần (2018: 9,90%/năm)	Tài sản hình thành từ vốn vay, dự án chăn nuôi bò thịt tại tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Bò Sữa Tây Nguyên

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, các điều kiện ràng buộc như được quy định trong hợp đồng trái phiếu đã bị vi phạm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. **VAY** (tiếp theo)

25.3 **Vay dài hạn ngân hàng** (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền Ngàn VND	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12, 13 và 14)
<i>BIDV, Chi nhánh Gia Lai (tiếp theo)</i>				
Khoản vay 6	598.220.555	Từ ngày 13 tháng 3 năm 2019 đến ngày 28 tháng 12 năm 2019	9,30 – 11,60%/năm (khoản vay VND) 7,70 – 7,82%/năm (khoản vay USD)	2 tầng thuộc khu thương mại nằm trên thửa đất số 478, tờ bản đồ số 9 tại Tổ hợp chung cư – Thương mại Bàu Thạc Gián, Đường Hàm Nghi, Phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam thuộc sở hữu của HAG; 7 xe ô tô thuộc sở hữu HAG; 3.310.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của HAG; Quyền sử dụng và khai thác 1.194,74 ha cao su tại Xã Pờ Tó, Huyện Ipa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên
Khoản vay 7	576.703.770	Từ ngày 18 tháng 2 năm 2020 đến 20 tháng 10 năm 2020	11,60%/năm (khoản vay VND) 8,24% - 8,84% (khoản vay USD)	Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai của vườn cao su 1.194,74 ha và các lợi ích hợp pháp khác từ vườn cây trên 1.199 ha tại Xã Pờ Tó, Ipa, Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên; Toàn bộ công trình khu liên hợp học viện bóng đá HAGL tại Xã Ipa Bông, Huyện Đăk Đoa, Tỉnh Gia Lai; Toàn bộ công trình đại học Y Dược HAGL; 3.310.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của HAGL; 7 xe ô tô thuộc sở hữu của HAG; 1 xe ô tô thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền Ngàn VND	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12, 13 và 14)
BIDV, Chi nhánh Bình Định				
Khoản vay 8 (*)	627.180.832	Từ ngày 25 tháng 12 năm 2018 đến ngày 25 tháng 12 năm 2026	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 5,00% (2018: 7,00%/năm)	Quyền sử dụng đất Khu căn hộ cao cấp HAGL gồm 85 căn hộ, block A,B,C tại số 40 Đường Hùng Vương, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn với đất 119 căn hộ thuộc cao ốc văn phòng và nhà ở cao cấp HAGL tại số 06 Đường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam của HAG; Nhà máy đá Granit HAGL tại Dọc Quốc lộ 14, Xã Ia Băng, Huyện Đăk Đoa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của HAG; Quyền sử dụng đất tại khu quy hoạch dân cư sinh thái Hồ Đổng Đa với tổng diện tích 2.332 m2, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam; Quyền sử dụng đất tại Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam với diện tích 6.993,2 m2; Quyền sử dụng và khai thác 4.733,01 ha cao su và 3.155,79 ha cọ dầu tại tỉnh Attapeu, Lào của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu
TỔNG CỘNG	<u>2.971.533.169</u>			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	450.487.292			
BIDC, Chi nhánh Attapeu	<u>19.311.369</u>	Từ ngày 25 tháng 7 năm 2018 đến ngày 25 tháng 1 năm 2021	10,00%/năm	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất bao gồm công trình xây dựng và các dự án đầu tư tại thửa đất Civ 0030-0182, Civ0031-0183, Civ0032-0184, Civ 0036-0188, Civ 0037- 0189, Civ 0038-0190, Civ 0039- 0191, Civ 0040- 0192 thuộc sở hữu của Công ty TNHH Cao su Eastern (Campuchia)
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	7.022.316			

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, các điều kiện ràng buộc như được quy định trong hợp đồng trái phiếu đã bị vi phạm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền Ngàn VND	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12, 13 và 14)
Sacombank, Chi nhánh Đà Nẵng	262.454.605	Từ ngày 24 tháng 12 năm 2021 đến ngày 24 tháng 12 năm 2026	2018 trở đi bằng lãi suất tiết kiệm 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Sacombank + biên độ 2,00% được điều chỉnh 3 tháng/lần (2018: 9,60%/năm)	23,2 triệu cổ phiếu HAG của Chủ tịch Đoàn Nguyên Đức và 14,5 triệu cổ phần của Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh thuộc sở hữu của Công ty
Sacombank, Chi nhánh Hồ Chí Minh				
Khoản vay 1 (*)	300.000.000	Từ ngày 25 tháng 6 năm 2020 đến ngày 25 tháng 12 năm 2021	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng + 2,50% một tháng, điều chỉnh 3 lần/năm (2018: 10,00%/năm)	Quyền sử dụng đất 687,9 ha cao su và tài sản gắn liền trên đất tại Huyện Ea H'leo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam; 18.570.000 triệu cổ phiếu HAG của Chủ tịch HĐQT; 15.000.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của HAG; 4.990.000 triệu cổ phần Công ty Cổ phần Cao Su Hoàng Anh - Quang Minh thuộc sở hữu của HNG;
Khoản vay 2	1.753.877.490	Ngày 17 tháng 6 năm 2023	Lãi suất LIBOR 3 tháng bằng USD vào thời điểm giải ngân + 7,80%/năm và điều chỉnh 3 tháng/lần	Tổng giá trị tài sản hình thành trong tương lai từ dự án "Trung tâm Thương mại Hoàng Anh Gia Lai Myanmar" thuộc sở hữu của HAGL Myanmar; 196.368.900 cổ phần HAN thuộc sở hữu của Công ty

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, các điều kiện ràng buộc như được quy định trong hợp đồng trái phiếu đã bị vi phạm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền Ngàn VND	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12, 13 và 14)
<i>Sacombank, Chi nhánh Thủ Đức</i>				
Khoản vay 1 (*)	250.000.000	Ngày 25 tháng 12 năm 2021 đến ngày 06 tháng 12 năm 2026	Lãi suất thả nổi (2018: 9,6%/năm)	Quyền sử dụng đất 1.328,1 ha cao su và tài sản gắn liền trên đất tại Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam; Quyền sử dụng đất 479,2 ha tại Xã EaH'leo, Huyện EaH'leo và 683,33 ha tại Xã EaH'leo, Huyện EaH'leo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên
Khoản vay 2 (*)	85.000.000	Ngày 25 tháng 4 năm 2020 đến ngày 11 tháng 10 năm 2021	9,5%/năm cho năm đầu tiên và các năm tiếp theo bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 13 tháng trả sau của SCB cộng biên độ 2,50%/năm. (2018: 9,50%/năm)	Quyền sử dụng 1.328,1 ha cao su và tài sản gắn liền trên đất tại Ia Púch, Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên
Khoản vay 3	16.100.000	Từ ngày 20 tháng 1 năm 2021 đến ngày 20 tháng 7 năm 2022		Toàn bộ vườn cây cao su, công trình gắn liền với đất, quyền khai thác và các tài sản khác với diện tích 13.281.000 m ² thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên
<i>Sacombank, Chi nhánh Campuchia</i>				
Khoản vay 1	80.255.040	Ngày 21 tháng 6 năm 2021	9,00%/năm	Quyền sử dụng đất thuê lâu dài tại Xã Talao, Huyện Ouchum và Xã Nhang, Huyện Andong Meas, Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia)
Khoản vay 2	22.995.000	Ngày 24 tháng 1 năm 2019 đến ngày 24 tháng 7 năm 2022	9,00%/năm	Quyền sử dụng tô nhượng đất kinh tế 728,24 ha đất tại Thôn Sre Thmay, Xã Khsum, Huyện Snol, Tỉnh Kro Ches, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia)
TỔNG CỘNG	<u>2.770.682.135</u>			
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>380.779.756</i>			

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, các điều kiện ràng buộc như được quy định trong hợp đồng trái phiếu đã bị vi phạm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền Ngàn VND	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12, 13 và 14)
<i>Ngân hàng Lào - Việt, Chi nhánh Attapeu</i>				
Khoản vay 1	435.989.692	Từ ngày 25 tháng 11 năm 2018 đến ngày 25 tháng 8 năm 2022	8,75% - 10,00%/năm	Trụ sở làm việc của Công ty TNHH Phát Triển Nông Nghiệp Hoàng Anh Attapeu tại Km 31, Bản Hatxan, Huyện Xaysettha, Tỉnh Attapeu, Lào theo bản đồ đất số 17 001 0008; Diện tích đất 0,3 ha của Nhà máy chế biến mủ cao su tại Huyện Xaysettha, Tỉnh Attapeu, Lào và Toàn bộ đàn bò nhập về của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu
Khoản vay 2	359.402.467	Từ ngày 1 tháng 8 năm 2019 đến ngày 30 tháng 8 năm 2020	10,50% - 11,00%/năm	Toàn bộ công trình xây dựng, các loại máy móc thiết bị gắn liền với công trình thủy điện Nậm Kông 3 hình thành sau đầu tư tại Huyện Phu Vông, Tỉnh Attapeu, Lào
Khoản vay 3	90.451.629	Từ ngày 25 tháng 8 năm 2018 đến ngày 25 tháng 11 năm 2022	10,00%/năm	Tất cả các dụng cụ xây dựng, vật tư máy móc phục vụ cho dự án xây dựng nhà máy chế biến cọ dầu phát sinh sau khi bỏ vốn đầu tư thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền Ngàn VND	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12, 13 và 14)
<i>Ngân hàng Lào - Việt, Chi nhánh Attapeu (tiếp theo)</i>				
Khoản vay 4 (*)	281.029.665	Ngày 25 tháng 12 năm 2018 đến ngày 25 tháng 12 năm 2026	USD: điều chỉnh 2 lần/năm (2018: 10,00%/năm). LAK: lãi suất tiết kiệm 13 tháng + 3,00%, điều chỉnh 2 lần/năm (2018: 12,75%/năm)	Quyền sử dụng và khai thác rừng trồng 4.733,01 ha cao su và 3.155,79 ha cọ dầu tại tỉnh Attapeu, Lào của cty HA Attapeu thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu
Khoản vay 5	230.199.312	Từ ngày 11 tháng 1 năm 2019 đến ngày 25 tháng 10 năm 2022	9,50 – 10,00%/năm	Quyền sử dụng 3 lô đất 1.001,78 ha tại Huyện Laman, Tỉnh Sekong, Lào và toàn bộ tài sản trên đất thuộc dự án nuôi bò và đàn bò nhập khẩu trị giá đảm bảo 24.460.000 USD thuộc sở hữu của Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Hoàng Anh - Quang Minh

TỔNG CỘNG 1.397.072.765

Trong đó:

Vay dài hạn
đến hạn trả 189.103.730

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, các điều kiện ràng buộc như được quy định trong hợp đồng trái phiếu đã bị vi phạm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền Ngàn VND	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12, 13 và 14)
<i>HDBank - Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai</i>				
Khoản vay 1 (*)	882.928.544	Từ ngày 25 tháng 6 năm 2020 đến ngày 25 tháng 12 năm 2023	Điều chỉnh 2 lần mỗi năm (2018: USD là 7,50%/năm và VND là 11,00%/năm)	42,88 triệu cổ phiếu HAG của Chủ tịch HĐQT và Bà Hoàng Thị Ngọc Bích - vợ Chủ tịch; Quyền sử dụng 7.924 ha đất tại Ratanakiri, Campuchia và tài sản gắn liền đất. 13,9 triệu cổ phần của HNG góp vốn tại Công ty Cổ phần An Đông Mía; 6 triệu cổ phần của Công ty Cổ phần Bò Sữa Tây Nguyên góp vốn tại Công ty Cổ phần An Đông Mía; 100.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai tại Công ty Cổ phần An Đông Mía
Khoản vay 2	299.706.456	Từ ngày 1 tháng 8 năm 2019 đến ngày 30 tháng 8 năm 2020	10,50% - 11,00%/năm	196.368.090 cổ phiếu HAN do công ty HAG sở hữu
<i>HD Bank - Chi nhánh Gia Lai</i>				
Khoản vay 1 (*)	99.800.000	Ngày 30 tháng 9 năm 2021	12,50%/năm	Toàn bộ cây ăn quả và quyền khai thác hình thành trong tương lai của dự án trồng cây ăn quả bao gồm cả nguồn thu, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ dự án thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cao Su Trung Nguyên ("CSTN")
Khoản vay 2 (*)	55.308.000	Ngày 30 tháng 6 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020	12,50%/năm	Toàn bộ cây ăn quả và quyền khai thác hình thành trong tương lai của dự án; Toàn bộ đàn bò đang thuộc sở hữu của CSTN và quyền đòi nợ phát sinh từ việc bán bò
Khoản vay 3	9.000.000	Ngày 30 tháng 9 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020	12,50%/năm	Toàn bộ cây ăn quả và quyền khai thác hình thành trong tương lai của dự án trồng cây ăn quả bao gồm cả nguồn thu, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ dự án; 15 xe đầu kéo, 15 sơ mi rơ móc thuộc sở hữu của CSTN

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, các điều kiện ràng buộc như được quy định trong hợp đồng trái phiếu đã bị vi phạm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền Ngàn VND	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12, 13 và 14)
<i>HDBank - Chi nhánh Đắk Lắk</i>				
Khoản vay 1	100.000.000	Từ ngày 30 tháng 9 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020	11,50%/năm	Toàn bộ cây ăn trái và quyền khai thác hình thành trong tương lai của dự án trồng cây ăn trái, cây gia vị được thực hiện trên thửa đất tại Xã Ea H'leo, Huyện Ea H'leo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ Phần Hoàng Anh Đắk Lắk
Khoản vay 2	48.611.459	Từ ngày 26 tháng 9 năm 2018 đến ngày 2 tháng 12 năm 2020	10,50%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay, đàn bò và bê con thuộc dự án chăn nuôi bò thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk
TỔNG CỘNG	<u>1.495.354.459</u>			
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	62.721.128			
TPBank – Hội sở	1.229.055.669	Từ ngày 10 tháng 7 năm 2018 đến 10 tháng 12 năm 2026	Lãi suất LIBOR 3 tháng bằng USD vào thời điểm giải ngân + 7,80%/năm và điều chỉnh 3 tháng/lần	Tổng giá trị tài sản hình thành trong tương lai từ dự án “Trung tâm Thương mại Hoàng Anh Gia Lai Myanmar” thuộc sở hữu của Hoàng Anh Gia Lai Myanmar; 196.368.900 cổ phần HAN thuộc sở hữu của Công ty; Phần vốn góp 51 triệu USD của HAN góp vào Hoàng Anh Gia Lai Myanmar
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	109.100.421			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.4 Vay ngắn hạn khác và vay dài hạn khác

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau:

Tên đối tượng	Số tiền Ngàn VND	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp
Vay ngắn hạn khác				
Công ty TNHH Yamagata	57.800.000	Ngày 17 tháng 7 năm 2018	14,00%/năm	Tín chấp
Ông Lim Yau Hewi	6.887.042	Ngày 10 tháng 7 năm 2018	10,00%/năm	Tín chấp
Ông Đỗ Mai Anh Tuấn	75.524.198	Ngày 1 tháng 9 năm 2018	Không lãi suất	Tín chấp
Công ty Cổ phần Địa ốc Nhật Hoa (*)	49.326.836	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 và Ngày 23 tháng 11 năm 2018	5,50 – 13,00%/năm	Tín chấp
Bà Trần Thị Hữu Duyên	33.529.000	Ngày 30 tháng 1 năm 2018 và ngày 27 tháng 8 năm 2018	7,00% - 10,00%/năm	Tín chấp
Công ty Cổ phần Hưng Hải Thành	18.000.000	Ngày 27 tháng 10 năm 2017	9,00%/năm	Tín chấp
Các cá nhân khác và công ty (*)	17.651.300	Ngày 26 tháng 10 năm 2016 đến ngày 24 tháng 8 năm 2018	9,00%- 10,00%/năm	Tín chấp
	258.718.376			
TỔNG CỘNG				
Vay dài hạn khác				
Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai	754.143.367	Ngày 1 tháng 7 năm 2021	11,60%/năm	Tín chấp
Bà Huỳnh Trần Thanh Phương	5.000.000	Ngày 29 tháng 6 năm 2019	6,50%/năm	Tín chấp
Ông Cao Duy Thịnh	16.442.870	Hoàn trả khi có yêu cầu	Không lãi suất	Tín chấp
Ông Trần Bửu Diệp	2.295.680	Ngày 12 tháng 6 năm 2019	0%/năm	Tín chấp
	777.881.917			
TỔNG CỘNG				
<i>Trong đó:</i>				
Vay dài hạn đến hạn trả	7.295.680			
Vay dài hạn	770.586.237			

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tập đoàn chưa thực hiện thanh toán các khoản vay cá nhân đến hạn trị giá 73.283.300 ngàn VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

26.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

							Ngàn VND
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017							
Ngày 1 tháng 1 năm 2017	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	623.942.651	279.895.303	915.758.015	13.257.667.583
Phát hành cổ phần phổ thông để chuyển đổi trái phiếu (TM số 24.1)	1.375.000.000	(275.220.000)	-	-	-	-	1.099.780.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	567.212.146	567.212.146
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(234.292.590)	-	-	(234.292.590)
Giao dịch vốn trong nội bộ Tập đoàn với cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(301.644.919)	(301.644.919)
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>9.274.679.470</u>	<u>3.263.858.784</u>	<u>(686.640)</u>	<u>389.650.061</u>	<u>279.895.303</u>	<u>1.181.325.242</u>	<u>14.388.722.220</u>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018							
Ngày 1 tháng 1 năm 2018	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)	453.812.960	279.895.303	702.809.115	13.974.368.992
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	(34.546.678)	(34.546.678)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(5.595.007)	-	-	(5.595.007)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	749.459	(749.459)	-
Giao dịch vốn trong nội bộ Tập đoàn với cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(280.765.576)	(280.765.576)
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>9.274.679.470</u>	<u>3.263.858.784</u>	<u>(686.640)</u>	<u>448.217.953</u>	<u>280.644.762</u>	<u>386.747.402</u>	<u>13.653.461.731</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

26.2 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	927.467.947	927.467.947
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	927.467.947	927.467.947
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	927.399.283	927.399.283
Số lượng cổ phiếu quỹ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	68.664	68.664

27. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
		Ngàn VND
Số đầu kỳ	3.813.603.686	2.649.088.573
Giao dịch vốn trong nội bộ Tập đoàn với cổ đông không kiểm soát của các công ty con	1.449.581.397	860.045.810
Lợi nhuận trong kỳ phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	134.771.667	302.019.303
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông không kiểm soát của công ty con	-	2.450.000
Mua công ty con	(628.342.243)	-
Thanh lý công ty con	1.440.425	-
Cổ tức phải trả cho cổ đông không kiểm soát	(7.416.122)	-
Số cuối kỳ	4.763.638.810	3.813.603.686

28. (LỖ) LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (Trình bày lại – TM số 39)
(Lỗ) lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (Ngàn VND)	(34.546.678)	567.212.146
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	927.399.283	808.031.151
(Lỗ) lãi trên cổ phiếu (VND)		
- (Lỗ) lãi cơ bản trên cổ phiếu	(37)	702
- (Lỗ) lãi suy giảm trên cổ phiếu	(37)	702

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. DOANH THU

29.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
		Ngàn VND
Doanh thu gộp	2.914.765.406	2.476.540.173
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán trái cây	1.419.206.622	806.006.726
Doanh thu bán ớt	451.797.162	-
Doanh thu từ dịch vụ cho thuê	395.113.139	327.754.178
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ khác (bệnh viện, khách sạn, quảng cáo, v.v.)	270.019.875	283.693.608
Doanh thu bán hàng hóa	233.117.184	219.088.279
Doanh thu bán mũ cao su	54.827.810	212.498.987
Doanh thu bán tiêu	38.464.495	31.927.849
Doanh thu bán bò	37.697.653	448.140.689
Doanh thu bán căn hộ	13.111.752	12.254.288
Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng	1.409.714	54.411.327
Doanh thu từ các sản phẩm ngành đường	-	80.764.242
	2.914.765.406	2.476.540.173
Doanh thu thuần		
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán trái cây	1.419.206.622	806.006.726
Doanh thu bán ớt	451.797.162	-
Doanh thu từ dịch vụ cho thuê	395.113.139	327.754.178
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ khác (bệnh viện, khách sạn, quảng cáo, v.v.)	270.019.875	283.693.608
Doanh thu bán hàng hóa	233.117.184	219.088.279
Doanh thu bán mũ cao su	54.827.810	212.498.987
Doanh thu bán tiêu	38.464.495	31.927.849
Doanh thu bán bò	37.697.653	448.140.689
Doanh thu bán căn hộ	13.111.752	12.254.288
Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng	1.409.714	54.411.327
Doanh thu từ các sản phẩm ngành đường	-	80.764.242
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần với các bên khác	2.401.846.610	2.276.337.573
Doanh thu thuần với các bên liên quan	512.918.796	200.202.600

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. DOANH THU (tiếp theo)

29.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngàn VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (Trình bày lại – TM số 39)
Lãi tiền cho vay	373.681.225	359.427.911
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	47.568.770	808.677.291
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	13.358.818	-
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.407.462	1.950.846
Các khoản khác	178.050	963.006
TỔNG CỘNG	436.194.325	1.171.019.054
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các bên khác</i>	<i>169.904.055</i>	<i>921.969.166</i>
<i>Doanh thu với các bên liên quan</i>	<i>266.290.270</i>	<i>249.049.888</i>

30. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngàn VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (Trình bày lại – TM số 39)
Giá vốn bán trái cây	575.571.436	385.342.680
Giá vốn bán ớt	299.724.898	-
Giá vốn dịch vụ khác (bệnh viện, khách sạn, quảng cáo, v.v.)	238.205.628	207.163.517
Giá vốn dịch vụ cho thuê	171.291.225	137.569.322
Giá vốn mũ cao su	60.593.845	151.290.699
Giá vốn bán bò	57.362.534	413.510.295
Giá vốn bán tiêu	35.237.996	16.235.535
Giá vốn hàng hóa	31.645.620	168.677.054
Giá vốn căn hộ	15.073.607	36.983.533
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	1.766.067	11.188.874
Giá vốn của các sản phẩm ngành đường	-	121.119.863
TỔNG CỘNG	1.486.472.856	1.649.081.372

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngàn VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Lãi vay ngân hàng và trái phiếu	805.299.789	738.966.691
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	100.142.716	14.493.945
Các khoản khác	18.251.266	25.961.405
TỔNG CỘNG	923.693.771	779.422.041

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
<i>Ngàn VND</i>		
Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	73.896.880	41.435.809
Chi phí lương nhân viên	14.025.737	11.039.372
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.439.238	888.094
Chi phí khác	5.021.185	9.686.906
TỔNG CỘNG	94.383.040	63.050.181
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Phân bổ lợi thế thương mại	186.218.813	159.799.020
Chi phí lương nhân viên	75.261.994	79.685.657
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.668.050	30.417.022
Chi phí khấu hao	19.314.915	16.637.796
Chi phí dự phòng	12.343.304	-
Chi phí khác	174.674.185	29.885.043
TỔNG CỘNG	490.481.261	316.424.538

33. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
<i>Ngàn VND</i>		
Thu nhập khác	6.666.975	88.520.467
Lãi từ thanh lý tài sản	-	80.976.954
Các khoản khác	6.666.975	7.543.513
Chi phí khác	222.718.146	70.388.228
Tài sản không hiệu quả	135.982.516	26.330.852
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	52.273.193	-
Các khoản phạt	18.904.625	11.469.388
Khấu hao tài sản ngưng sử dụng	5.534.435	20.219.857
Các khoản khác	10.023.377	12.368.131
(LỖ) LÃI KHÁC	(216.051.171)	18.132.239

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và các công ty con tại Việt Nam có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các công ty con của Tập đoàn tại Lào, Campuchia, Myanmar và Thái Lan có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất tương ứng dựa trên thu nhập chịu thuế. Các công ty con này cũng được hưởng miễn, giảm thuế TNDN theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Giấy phép Đầu tư tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế địa phương. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

34.1 Chi phí thuế TNDN

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (Trình bày lại – TM số 39)
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hiện hành	(4.118.355)	40.022.693
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	31.231.728	(37.778.125)
TỔNG CỘNG	27.113.373	2.244.568
	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	127.338.362	858.337.452
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)</i>		
Lỗ từ các công ty con	249.842.326	393.312.396
Lợi thế thương mại phân bổ	186.218.813	159.799.020
Hoàn nhập chi phí lãi vay trên báo cáo tài chính hợp nhất	76.088.699	80.725.967
Lợi nhuận chưa thực hiện trên hợp nhất	(20.598.397)	26.811.979
Các chi phí không có chứng từ hợp lệ	3.424.498	17.808.256
Tiền phạt	2.723.742	16.464.962
Lỗ (lãi) từ các công ty liên kết	12.539.270	(624.118)
Các khoản khác	193.212.092	53.978.431
Lãi từ thanh lý các công ty con trên báo cáo tài chính hợp nhất	(4.049.217)	(900.101.142)
Các khoản dự phòng	(144.420.325)	(33.202.483)
Lợi nhuận của các công ty con được miễn thuế	(379.909.856)	(207.856.319)
Chênh lệch tỷ giá	25.064.827	(11.468.600)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành chưa cần trừ lỗ kỳ trước	327.474.834	453.985.801
Lỗ các kỳ trước chuyển sang	(70.192.402)	(164.899.761)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành sau khi cần trừ lỗ kỳ trước	257.282.432	289.086.040
Thuế TNDN ước tính trong kỳ hiện hành	60.483.804	37.754.209
Thuế TNDN hiện hành theo mức thuế suất 20% của hoạt động bất động sản	65.230	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích (thừa) thiếu kỳ trước	(4.681.600)	2.268.484
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(59.985.789)	-
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính	(4.118.355)	40.022.693
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	82.826.087	63.040.251
Khác	(17.275)	2.156.164
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(3.932.154)	(1.673.552)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	74.758.303	103.545.556
<i>Trong đó:</i>		
Thuế TNDN phải trả (TM số 21)	76.294.025	105.081.278
Thuế TNDN nộp thừa (TM số 21)	(1.535.722)	(1.535.722)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

34.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

34.3 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (trình bày lại - TM số 39)
<i>Ngàn VND</i>				
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Lợi nhuận chưa thực hiện loại trừ trên hợp nhất	101.005.376	105.125.055	(4.119.679)	5.362.395
	101.005.376	105.125.055	(4.119.679)	5.362.395
Thuế TNDN hoãn lại phải trả				
Chi phí lãi vay vốn hoá khi hợp nhất	205.487.794	207.259.809	(1.772.015)	(38.868.084)
Dự phòng khoản đầu tư	134.153.998	105.269.934	28.884.064	(13.925.021)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	20.377.375
Thu nhập từ bán tài sản cho thuê tài chính	24.690.950	24.411.774	-	-
	364.332.742	336.941.517	27.112.049	(32.415.730)
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ			31.231.728	(37.778.125)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

35.1 Giao dịch trong kỳ

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong kỳ hiện hành và kỳ trước bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Cho vay dài hạn	239.371.500	651.303.710
		Thu hồi tiền cho vay	32.730.373	186.152.222
		Mua hàng hóa và dịch vụ	79.469.649	173.002.808
		Lãi cho vay	208.483.924	113.657.170
		Bán hàng và cung cấp dịch vụ	145.156.243	61.369.800
		Bán bò	48.239.672	15.803.424
		Cung cấp dịch vụ xây dựng	-	2.318.285
		Cán trừ công nợ	864.417.403	-
		Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Thu hồi tiền cho vay và lãi vay
		Lãi cho vay	10.500.000	52.323.653
		Cho vay dài hạn	56.000.000	78.461.975
		Cán trừ công nợ	879.354.876	-
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	Lãi cho vay	2.184.035	18.100.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Công ty liên quan	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	5.001.558
		Lãi cho vay	-	3.913.477
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	90.552.196
		Thu hồi tiền cho vay	-	4.970.000
		Lãi cho vay	8.057.851	7.354.177
		Bán hàng và cung cấp dịch vụ	188.627	99.436
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	7.836.947	14.181.498
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Lãi cho vay	9.891.202	2.482.376
		Mua hàng hóa và dịch vụ	-	22.787.077
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	Lãi cho vay	-	8.126.397
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty liên quan	Vay	-	414.119.000
		Lãi vay	-	373.175

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

35.1 Giao dịch trong năm (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong kỳ hiện hành và kỳ trước bao gồm: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Cung cấp hàng hóa, dịch vụ	-	86.653.514
		Mua hàng hóa	-	256.911.700
Công ty TNHH MTV Xây Lắp Điện	Công ty liên quan	Cung cấp hàng hóa, dịch vụ	-	8.870.919
		Mua hàng hóa và dịch vụ	-	24.978.832
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	Bán hàng hoá	2.921.195	25.087.222
		Lãi cho vay	7.571.832	9.983.750
		Thu hồi tiền cho vay và lãi vay	-	13.733.287
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp MTV Thăng Long	Công ty liên quan	Cho vay	-	101.367.076
		Cán trừ công nợ Lãi cho vay	49.900.701 1.576.853	- 9.242.270
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	2.997.903	4.339.662
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Lãi cho vay	4.675.832	5.345.458
Ông Nguyễn Quốc Huy	Bên liên quan	Thanh lý khoản đầu tư	-	130.000.000
Công ty CP Dịch vụ Nông Nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	364.652.730	130.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Phúc Bảo Minh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	2.513.891	-
Ông Nguyễn Quyền	Bên liên quan	Mua công ty con	676.200.000	-
		Chia cổ tức	2.662.400	-
Ông Từ Minh Đăng	Bên liên quan	Mua công ty con	935.057.000	-
		Chia cổ tức	2.200.000	-
Ông Hoàng Trọng Hưng	Bên liên quan	Mua công ty con	516.700.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

35.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 6)				
Nhóm An Phú (*)	Các công ty liên quan	(*)	117.785.692	496.649.239
Công ty TNHH Dịch vụ Nông Nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	95.080.942	40.079.827
Công ty TNHH MTV Xây Lắp Điện	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng Bán hàng hóa	- 382.628	65.325.049 3.628.478
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Ban Mê	Công ty liên quan	Bán hàng hóa	-	11.456.776
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	20.756.431
Khác	Bên liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	7.462.009	3.778.218
TỔNG CỘNG			<u>220.711.271</u>	<u>641.674.018</u>

(*) Số dư chi tiết nhóm An Phú như sau:

Nhóm An Phú	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Bán hàng hóa Cung cấp dịch vụ xây dựng	57.460.181 20.748.897	439.883.209 18.084.773
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng Bán hàng hóa	27.595.945 3.827.972	27.595.944 3.517.833
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng Bán hàng hóa	5.501.715 355.590	5.774.737 -
Khác	Bên liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.295.392	1.792.743
TỔNG CỘNG			<u>117.785.692</u>	<u>496.649.239</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

35.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 7)				
Nhóm An Phú (*)	Các công ty liên quan	(*)	9.463.978	410.301.606
Công ty TNHH MTV Xây Lắp Điện	Công ty liên quan	Ứng trước mua hàng	66.483	2.569.366
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt May	Công ty liên quan	Ứng trước dịch vụ xây dựng	650.000	-
TỔNG CỘNG			10.180.461	412.870.972

(*) Số dư chi tiết nhóm An Phú như sau:

Nhóm An Phú	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Ứng trước mua hàng hóa	9.174.668	397.012.296
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	16.410	13.016.410
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Ứng trước dịch vụ xây dựng	272.900	272.900
TỔNG CỘNG			9.463.978	410.301.606

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

35.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi suất %/năm	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải thu về cho vay ngắn hạn (TM số 8)				
Nhóm An Phú (*)	Các công ty liên quan	(*)	1.267.900.463	1.090.388.994
Công ty TNHH Dịch vụ Nông Nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	0%	56.653.075	-
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	10%	37.910.410	33.990.410
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện	Công ty liên quan	0%	5.815.216	-
Công ty Cổ Phần Long Thịnh	Công ty liên quan	12%	4.170.750	4.170.750
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Bất động sản Hoàng Anh	Công ty liên quan	0%	500.000	-
Ông Nguyễn Quyền	Bên liên quan	0%	-	935.057.000
Ông Từ Minh Đăng	Bên liên quan	0%	-	676.200.000
Ông Hoàng Trọng Hưng	Bên liên quan	0%	-	516.700.000
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	10,81% - 15%	-	445.627.940
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp MTV Thăng Long	Công ty liên quan	0%	-	49.900.700
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Ban Mê	Công ty liên quan	12%	-	2.925.526
TỔNG CỘNG			1.372.949.914	3.754.961.320

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

35.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

(*) Số dư chi tiết nhóm An Phú như sau:

Nhóm An Phú	Mối quan hệ	Lãi suất %/năm	Ngân VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	12,00% - 15,00%	570.466.204	626.466.204
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	10,81% - 15,00%	153.264.177	185.994.550
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	11,00%	123.299.907	123.299.907
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	0%	105.110.065	-
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	10,00%	93.000.000	93.000.000
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Công ty liên quan	0%	91.703.227	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	12,00%	82.726.796	-
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	Công ty liên quan	13,00%	34.714.752	61.628.333
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	10,50% - 15,00%	13.615.335	-
TỔNG CỘNG			1.267.900.463	1.090.388.994

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

35.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải thu ngắn hạn khác (TM số 9)				
Nhóm An Phú (*)	Các công ty liên quan	(*)	672.939.332	504.094.347
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	Lãi cho vay Chi phí trả hộ	34.988.371 609.311	33.288.967 -
Ông Phan Thanh Thủ	Thành viên HĐQT	Tạm ứng	1.743.350	1.853.367
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện	Công ty liên quan	Cho mượn	1.216.631	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Chi phí trả hộ	22.000	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Cho mượn	-	19.016.297
Khác	Bên liên quan	Khác	225.002	611.627
TỔNG CỘNG			711.743.997	558.864.605

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

35.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

(*) Số dư chi tiết nhóm An Phú như sau:

Nhóm An Phú	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngân VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp MTV Thăng Long	Công ty liên quan	Cho mượn	203.135.295	-
		Chi phí trả hộ	-	7.005.910
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	157.007.722	159.626.905
		Chi phí trả hộ	2.619.183	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	187.386.272	156.386.695
		Chi phí trả hộ	780.386	31.807.278
		Cho mượn	-	28.124.334
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	33.641.312	-
		Chi phí trả hộ	2.661.565	2.556.565
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Lãi cho vay	26.482.137	21.806.304
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	24.555.146	21.557.241
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	Lãi cho vay	22.029.000	18.228.000
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Công ty liên quan	Chi phí trả hộ	12.624.059	12.624.059
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Lãi cho vay	-	44.353.801
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Lãi cho vay	17.255	17.255
TỔNG CỘNG			672.939.332	504.094.347

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

35.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi suất %/năm	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải thu về cho vay dài hạn (TM số 8)				
Nhóm An Phú (*)	Các công ty liên quan	(*)	8.688.714.271	7.435.714.993
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	10,00%	22.895.432	-
Công ty Cổ phần IAPACCO	Công ty liên quan	11,53% - 16,45%	6.123.820	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt May	Công ty liên quan	10,00%	5.590.000	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng (*)	Công ty liên quan		-	54.052.853
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Ban Mê	Công ty liên quan		-	23.193.100
TỔNG CỘNG			8.723.323.523	7.512.960.946

(*) Theo thuyết minh số 4, vào ngày 17 tháng 3 năm 2018, Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng đã trở thành công ty con trong Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

35.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

(*) Số dư chi tiết nhóm An Phú như sau:

Nhóm An Phú	Mối quan hệ	Lãi suất %/năm	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	9,75% - 12,00%	4.736.094.508	3.491.345.993
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	12,00% - 15,00%	2.023.333.113	1.834.926.927
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	Công ty liên quan	12,00%	710.000.000	710.000.000
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Công ty liên quan	6,50% - 10,50%	290.000.000	381.703.227
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	12,00%	344.872.977	358.488.312
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	10,00%	196.731.113	196.731.113
Công ty Cổ phần Gõ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	10,00%	153.535.000	136.261.796
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	0%	13.000.000	105.110.065
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Minh Tuấn	Công ty liên quan	10,00%	75.481.435	75.481.435
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	0%	75.000.000	75.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Phúc Bảo Minh	Công ty liên quan	10,00%	50.000.000	50.000.000
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	0%	20.666.125	20.666.125
TỔNG CỘNG			8.688.714.271	7.435.714.993

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

35.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải thu dài hạn khác (TM số 9)				
Nhóm An Phú	Các công ty liên quan	(**)	502.038.369	639.920.595
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp MTV Thăng Long	Công ty liên quan	Cho mượn	-	130.284.692
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng (*)	Công ty liên quan	Cho mượn	-	117.720.096
		Lãi cho vay	-	2.551.686
Các công ty liên quan khác	Công ty liên quan	Khác	450.806	-
TỔNG CỘNG			502.489.175	890.477.069

(*) Theo thuyết minh số 4, vào ngày 17 tháng 3 năm 2018, Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng đã trở thành công ty con trong Tập đoàn.

(**) Số dư chi tiết nhóm An Phú như sau:

Nhóm An Phú	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	284.377.903	260.327.064
		Phải thu HĐHTKD	-	125.750.980
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Lãi cho vay	108.749.428	161.975.432
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	39.728.068	20.488.121
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Lãi cho vay	22.413.414	12.522.211
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Phúc Bảo Minh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	15.419.444	12.905.556
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	Lãi cho vay	13.314.583	9.543.750
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Minh Tuấn	Công ty liên quan	Lãi cho vay	8.206.626	4.099.189
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	7.335.191	31.061.435
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Lãi cho vay	2.493.712	1.246.857
TỔNG CỘNG			502.038.369	639.920.595

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

35.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngân VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 19)				
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	(71.183.864)	(84.221.566)
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	(9.328.145)	(9.328.145)
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	(1.719.077)	(102.076.936)
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng (*)	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	(83.166.966)
Các bên liên quan khác		Mua hàng hóa	(37.867.076)	(268.067)
TỔNG CỘNG			(120.098.162)	(279.061.680)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (TM số 20)				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Ứng trước dịch vụ xây dựng	(194.864.544)	(194.864.544)
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng (*)	Công ty liên quan	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	-	(128.617.878)
Các bên liên quan khác	Công ty liên quan	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	(23.560)	(621.570)
TỔNG CỘNG			(194.888.104)	(324.103.992)

(*) Theo thuyết minh số 4, vào ngày 17 tháng 3 năm 2018, Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng đã trở thành công ty con trong Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

35.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải trả ngắn hạn khác (TM số 23)				
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	Cho mượn tạm Nhận góp vốn HĐHTKD	(1.557.500.000) (310.000.000)	- (240.000.000)
Công ty TNHH Dịch vụ Nông Nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Nhận góp vốn HĐHTKD Cho mượn tạm	(150.000.000) -	(150.000.000) (4.100.000)
Bà Dương Thanh Bích	Bên liên quan	Nhận góp vốn HĐHTKD	(150.000.000)	(150.000.000)
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Bên liên quan	Nhận góp vốn HĐHTKD	(140.000.000)	(140.000.000)
Ông Nguyễn Thượng Trung	Bên liên quan	Nhận góp vốn HĐHTKD	(137.000.000)	(137.000.000)
Ông Thủy Ngọc Dũng	Bên liên quan	Nhận góp vốn HĐHTKD	(135.000.000)	(135.000.000)
Bà Nguyễn Thị Hồng Luyến	Bên liên quan	Nhận góp vốn HĐHTKD	(115.000.000)	(115.000.000)
Ông Trần Quang Dũng	Bên liên quan	Nhận góp vốn HĐHTKD	(110.000.000)	(110.000.000)
Bà Hồ Thị Kim Chi	Bên liên quan	Nhận góp vốn HĐHTKD	(60.055.000)	(55.500.000)
Bà Lê Thùy Dương	Bên liên quan	Nhận góp vốn HĐHTKD	(50.000.000)	(50.000.000)
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Ban Mê	Công ty liên quan	Cho mượn tạm	-	(5.711.421)
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Công ty liên quan	Cho mượn tạm Lãi cho vay	- (272.700)	(6.450.000) -
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Á Đông	Công ty liên quan	Cho mượn tạm	-	(10.666.989)
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty liên quan	Cho mượn tạm Lãi cho vay	- -	(500.000.000) (10.120.174)
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Cho mượn tạm Lãi cho vay	- -	(250.098.890) (40.329.333)
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Cho mượn tạm	-	(3.000.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

35.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải trả ngắn hạn khác (tiếp theo) (TM số 23)				
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Cho mượn tạm	(22.147.125)	(22.147.125)
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Cho mượn tạm Cổ tức phải trả	(2.654.276) -	(2.654.276) (2.034.000)
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT	Cho mượn tạm Khác	(509.089) (1.204.111)	(1.883.196) -
Ông Dương Hoàng Bắc	Bên liên quan	Cho mượn tạm	-	(1.958.300)
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	(11.615.538)	(1.276.815)
TỔNG CỘNG			(2.952.957.839)	(2.144.930.519)
Phải trả dài hạn khác (TM số 23)				
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Hợp tác kinh doanh Khác	(550.000.000) (2.034.000)	(550.000.000) -
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Công ty liên quan	Ký quỹ dài hạn	(77.566)	(77.566)
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	(458.635)	-
TỔNG CỘNG			(552.570.201)	(550.077.566)
Vay ngắn hạn (TM số 24)				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Vay	-	(298.000.000)
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Bên liên quan	Vay	-	(12.091.300)
Ông Dương Hoàng Bắc	Bên liên quan	Vay	-	(7.823.000)
TỔNG CỘNG			-	(317.914.300)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

35.3 Nợ phải thu nhóm An Phú

Dưới đây trình bày khoản phải thu từ nhóm An Phú (trích từ TM số 35.2) như sau:

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	117.785.692	496.649.239
Trả trước cho người bán ngắn hạn	9.463.978	410.301.606
Phải thu về cho vay ngắn hạn	1.267.900.463	1.090.388.994
Phải thu ngắn hạn khác	672.939.332	504.094.347
Phải thu về cho vay dài hạn	8.688.714.271	7.435.714.993
Phải thu dài hạn khác	502.038.369	639.920.595
TỔNG CỘNG	11.258.842.105	10.577.069.774

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, khoản phải thu của Tập đoàn đối với nhóm An Phú như trên đã được bảo lãnh bởi tài sản riêng của Ông Chủ tịch HĐQT Công ty - Ông Đoàn Nguyên Đức và tài sản của một số công ty, cá nhân liên quan khác.

35.4 Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Ban thư ký

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Ban thư ký như sau:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Lương	6.025.466	4.687.816
Ban kiểm soát Lương	414.000	639.854
Ban thư ký Lương	160.692	415.620
TỔNG CỘNG	6.600.158	5.743.290

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

36. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn là bên thuê

Tập đoàn thuê các lô đất khác nhau tại Việt Nam, Lào, Campuchia để xây dựng nhà xưởng, cầu lạc bộ bóng đá, khách sạn, văn phòng, nuôi gia súc và trồng cây cao su và các loại cây khác. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền thuê cam kết theo hợp đồng thuê các lô đất này được trình bày như sau:

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Dưới 1 năm	97.450.161	98.021.128
Từ 1 đến 5 năm	631.517.550	709.537.635
Trên 5 năm	<u>7.412.106.247</u>	<u>7.397.081.714</u>
TỔNG CỘNG	<u>8.141.073.958</u>	<u>8.204.640.477</u>

Tập đoàn là bên cho thuê

Tập đoàn hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động theo các thỏa thuận cho thuê văn phòng, trung tâm thương mại tại Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Dưới 1 năm	491.926.696	503.493.109
Từ 1 đến 5 năm	622.155.705	1.408.159.977
Trên 5 năm	<u>34.964.142</u>	<u>751.033.002</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.149.046.543</u>	<u>2.662.686.088</u>

Các cam kết liên quan đến chi phí xây dựng công trình

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, Tập đoàn có các cam kết cho việc xây dựng các dự án bất động sản như sau:

	Ngàn VND		
	Giá trị theo cam kết	Giá trị đã ghi nhận	Giá trị cam kết còn lại
Dự án bất động sản Myanmar	<u>159.245.938.283</u>	<u>50.401.455.449</u>	<u>108.844.482.834</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

36. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)

Dự phòng bảo hành các dự án xây dựng Sân bay

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, Tập đoàn đang tiếp tục thực hiện và hoàn thiện các hạng mục còn lại của hai dự án xây dựng sân bay Quốc tế Attapeu tại Tỉnh Attapeu và sân bay Quốc tế Nongkhang tại Tỉnh Huaphan, nước Cộng hòa Dân chủ - Nhân dân Lào. Tập đoàn chưa ghi nhận khoản dự phòng bảo hành cho các dự án này, vì các dự án chưa được quyết toán hoàn thành và bàn giao cho chủ đầu tư.

Theo quy định tại điều 13.2 Hợp đồng về Dự án xây dựng Sân bay Attapeu số LAO-ATP(01) tháng 1 năm 2013 và điều 13.2 Hợp đồng về Dự án xây dựng Sân bay Nongkhang số LAO-NKP(01) ngày 15 tháng 6 năm 2013 thời gian bảo hành sẽ kéo dài trong thời gian một năm kể từ ngày bàn giao các dự án.

37. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Các loại ngoại tệ:		
- KIP Lào (LAK)	1.697.148.967	1.307.232.151
- Đồng Kyat Myanmar (MMK)	345.034.549	525.633.509
- Đồng Riels Campuchia (KHR)	253.335.274	215.851.975
- Đồng Bạc Thái Lan (THB)	1.953.431	3.093.096
- Đô la Mỹ (USD)	1.032.350	3.083.091
- Đồng Euro (EUR)	455	7.143

38. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn được xác định theo địa điểm của tài sản của Tập đoàn. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

38. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

38.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Tập đoàn được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- Bất động sản: phát triển dự án căn hộ để bán và cho thuê văn phòng, trung tâm thương mại;
- Sản xuất: sản xuất và bán phân bón, ống nhựa và các công cụ dụng cụ khác dùng trong nông nghiệp;
- Thương mại và dịch vụ: quản lý tài sản và mua bán hàng hóa;
- Xây dựng: xây dựng căn hộ, xây dựng sân bay và xây dựng chuồng trại;
- Năng lượng: phát triển và khai thác thủy điện;
- Khoáng sản: khai thác, chế biến và bán quặng tinh chế (đã dừng hoạt động); và
- Nông nghiệp: trồng cao su, cọ dầu, mía đường, trái cây, thu hoạch chế biến và bán mủ cao su, gỗ cao su, đường, cọ dầu, các loại cây trồng khác và chăn nuôi bò thịt.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh, như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Nguồn tài trợ, bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Tập đoàn chứ không phân bổ cho các bộ phận.

Báo cáo bộ phận của hoạt động kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng đã được trình bày vào hoạt động thương mại và dịch vụ trong năm vì đây không phải là hoạt động chính của Tập đoàn hiện nay.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

38. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

38.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Ngàn VND							
	Bất động sản	Sản xuất	Thương mại và dịch vụ	Xây dựng	Nông nghiệp	Năng lượng	Loại trừ	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017								
<i>Doanh thu</i>								
Từ khách hàng bên ngoài	12.254.288	251.016.128	611.447.786	54.411.327	1.547.410.644	-	-	2.476.540.173
Giữa các bộ phận	-	177.637.573	30.620.055	21.925.657	106.639.963	-	(336.823.248)	-
Tổng cộng	12.254.288	428.653.701	642.067.841	76.336.984	1.654.050.607	-	(336.823.248)	2.476.540.173
Kết quả của bộ phận	1.065.414	82.339.074	266.714.947	17.427.794	459.911.572	-	-	827.458.801 (361.342.480)
Chi phí không phân bổ								466.116.321
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính								1.171.019.054
Thu nhập tài chính								(779.422.041)
Chi phí tài chính								624.118
Phần lỗ trong công ty liên kết								858.337.452 (40.022.693)
Lỗ trước thuế								37.778.125
Thuế TNDN hiện hành								856.092.884
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại								
Lỗ sau thuế trong kỳ								
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017								
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>								
Tài sản của bộ phận	10.108.173.230	5.743.353.617	339.487.886	173.418.104	30.725.856.836	3.420.834.551	-	50.511.124.224 141.473.491
Tiền của Tập đoàn								847.332.517
Đầu tư vào công ty liên kết								1.562.197.424
Tài sản không phân bổ								53.062.127.656
Tổng tài sản								
Nợ phải trả của bộ phận	(5.182.475.843)	(6.616.331.417)	(68.879.664)	(260.523.722)	(21.807.357.090)	(2.933.736.948)	-	(36.869.304.684) 1.595.149.706
Nợ phải trả không phân bổ								(35.274.154.978)
Tổng nợ phải trả								

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

38. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

38.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Ngàn VND							
	Bất động sản	Sản xuất	Thương mại và dịch vụ	Xây dựng	Nông nghiệp	Năng lượng	Loại trừ	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018								
<i>Doanh thu</i>								
Từ khách hàng bên ngoài	408.224.891	233.117.184	270.019.875	1.409.714	2.001.993.742	-	-	2.914.765.406
Giữa các bộ phận	-	218.601.118	32.055.168	-	498.048.756	-	(748.705.042)	-
Tổng cộng	408.224.891	451.718.302	302.075.043	1.409.714	2.500.042.498	-	(748.705.042)	2.914.765.406
Kết quả của bộ phận	221.860.059	201.471.564	31.814.247	(356.353)	973.503.033	-	-	1.428.292.550 (800.915.472)
Chi phí không phân bổ								627.377.078
Lãi trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính								436.194.325
Thu nhập tài chính								(923.693.771)
Chi phí tài chính								(12.539.270)
Lãi từ công ty liên kết								127.338.362
Lợi nhuận trước thuế								4.118.355
Thuế TNDN hiện hành								(31.231.728)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại								100.224.989
Lãi sau thuế TNDN trong kỳ								100.224.989
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018								
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>								
Tài sản của bộ phận	10.149.360.101	5.902.429.847	302.887.212	66.589.816	32.980.388.140	3.176.434.145	-	52.578.089.261
Tiền								223.552.064
Đầu tư vào công ty liên kết								275.128.318
Tài sản không phân bổ								1.994.991.171
Tổng tài sản								55.071.760.814
Nợ phải trả của bộ phận	(6.640.980.242)	(6.303.717.941)	(306.777.738)	(227.874.696)	(19.991.135.087)	(2.914.307.534)	-	(36.384.793.238)
Nợ phải trả không phân bổ								(269.867.035)
Tổng nợ phải trả								(36.654.660.273)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

38. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

38.2 Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau.

	Việt Nam	Lào	Campuchia	Myanmar	Khác	Ngàn VND Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017						
<i>Doanh thu</i>						
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	1.226.267.536	659.296.838	64.063.966	497.180.362	29.731.471	2.476.540.173
Chi phí hình thành tài sản cố định	153.548.985	780.873.726	418.251.069	41.852.570	-	1.394.526.350
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017						
<i>Các thông tin bộ phận khác</i>						
Tài sản bộ phận	16.833.346.285	15.622.303.647	9.765.409.189	6.301.084.842	55.124.130	48.577.268.093
Tiền						141.473.491
Đầu tư vào công ty liên kết						847.332.517
Tài sản không phân bổ						3.496.053.555
Tổng tài sản						53.062.127.656
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018						
<i>Doanh thu</i>						
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	1.177.762.754	911.329.773	203.977.769	533.450.552	88.244.558	2.914.765.406
Chi phí hình thành tài sản cố định	229.046.193	2.801.280.675	995.758.501	19.729.713	-	4.045.815.082
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018						
<i>Các thông tin bộ phận khác</i>						
Tài sản bộ phận	16.235.281.741	18.037.929.045	9.405.673.895	6.420.285.359	54.725.208	50.153.895.248
Tiền						223.552.064
Đầu tư vào công ty liên kết						275.128.318
Tài sản không phân bổ						4.419.185.184
Tổng tài sản						55.071.760.814

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

39. ĐIỀU CHỈNH VÀ PHÂN LOẠI LẠI CÁC DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Thanh lý Nhóm Công ty Mía đường

Trong kỳ, Nhóm Công ty đã điều chỉnh lại một số dữ liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 liên quan đến ảnh hưởng của nghiệp vụ chuyển nhượng 100% tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty tại Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai và Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu cho bên thứ ba vào ngày 22 tháng 5 năm 2017.

Ngoài ra, một số dữ liệu tương ứng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ này.

Chi tiết thông tin trình bày lại như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (Đã trình bày trước đây)</i>	<i>Điều chỉnh và phân loại lại</i>	<i>Ngàn VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (Đã trình bày lại)</i>
--	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	(1.628.801.454)	(20.279.918)	(1.649.081.372)
Doanh thu hoạt động tài chính	1.314.567.769	(143.548.715)	1.171.019.054
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	36.689.370	1.088.755	37.778.125
Lỗi sau thuế TNDN	1.018.832.762	(162.739.878)	856.092.884
- Cổ đông thiểu số	677.621.667	(110.409.521)	567.212.146
- Cổ đông công ty mẹ	341.211.095	(52.330.357)	288.880.738

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.022.166.085	(163.828.633)	858.337.452
Lãi từ hoạt động đầu tư	(1.395.430.799)	(8.901.687)	(1.404.332.486)
Tăng các khoản phải trả	226.471.473	(1.483.614)	224.987.859
Tiền lãi vay đã trả	(403.109.608)	109.369.161	(293.740.447)
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	(1.671.475.357)	64.844.772	(1.606.630.585)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

39. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Phát hành trái phiếu chuyển đổi trị giá 2.217 tỷ VND

Vào ngày 6 tháng 5 năm 2018, Đại Hội đồng Cổ đông của HNG, công ty con của Tập đoàn đã phê duyệt việc phát hành 221.710 trái phiếu chuyển đổi với mệnh giá là 10 triệu VND/trái phiếu cho các cổ đông hiện hữu của HNG, theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 0605/18/NQĐHĐCĐ-HAGL Agrico.

Vào ngày 3 tháng 7 năm 2018, Hội đồng Quản trị HNG đã phê duyệt kết quả phát hành trái phiếu trên và phương án xử lý cho giá trị trái phiếu chưa được phân phối hết, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 0307/18/NQ-HĐQT HAGL Agrico.

Vào ngày 3 tháng 8 năm 2018, Hội đồng Quản trị HNG đã phê duyệt việc phát hành 221.688 trái phiếu còn lại chưa được phân phối hết Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải, bên thứ ba, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị có liên quan. Tại ngày báo cáo này, HNG đã nhận đầy đủ tiền phát hành trái phiếu và nghiệp vụ này đã được hoàn tất.

Vỡ đập thủy điện Xi-Pian Xe-Namnoy tại Lào

Vào ngày 23 tháng 7 năm 2018, đập thủy điện Xi-Pian Xe-Namnoy ở Khu vực Đông nam Lào đã bị vỡ, gây ngập lụt phần lớn diện tích tại Tỉnh Attapeu.

Theo báo cáo thực trạng các tài sản của Tập đoàn sau sự cố vỡ đập thủy điện nói trên, phần lớn diện tích cây trồng của Tập đoàn được sở hữu bởi Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu, công ty con trong Tập đoàn, được xác định là nằm cách xa khu vực bị ảnh hưởng, chỉ một phần diện tích trồng cây cao su nhỏ ở Huyện Sanamsay bị ảnh hưởng nhưng do cây đang ở độ tuổi trưởng thành nên ước tính không bị ảnh hưởng nhiều. Hiện tại, Tập đoàn đang trong quá trình xác định tổng giá trị thiệt hại từ sự cố nêu trên.

Ký kết Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư Chiến lược giữa Tập đoàn và Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("THACO")

Vào ngày 3 tháng 8 năm 2018, Tập đoàn và THACO đã ký kết Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư Chiến lược. Theo đó, một số nội dung chính thức đã được thông qua như sau:

- ▶ THACO cam kết hỗ trợ HAG và HNG trong việc cơ cấu các khoản nợ vay, và huy động vốn đầu tư chăm sóc diện tích trồng cây ăn trái đã có, phát triển mở rộng diện tích trồng cây ăn trái dự kiến trong hai (2) năm 2019 và năm 2020;
- ▶ THACO cam kết đồng hành trong quá trình xây dựng HNG và các công ty con trở thành Tập đoàn nông nghiệp hùng mạnh, góp phần phát triển ngành nông nghiệp nói riêng và nền kinh tế xã hội của Việt Nam - Lào - Campuchia nói chung; và
- ▶ THACO thông qua công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh sẽ sở hữu 65% vốn của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh để tiếp tục đầu tư vào giai đoạn 2 của dự án Myanmar.

Phát hành 185.000.000 cổ phiếu HAG

Vào ngày 16 tháng 8 năm 2018, Đại Hội đồng Cổ đông Tập đoàn đã phê duyệt việc phát hành thêm 185.000.000 cổ phiếu HAG với giá phát hành là 7.200 VND/cổ phiếu (mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu) cho các nhà đầu tư riêng rẽ, theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông có liên quan.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.



Nguyễn Văn Tiên
Người lập



Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2018